

Mẫu M4-ĐCCT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA LLCT – LUẬT - QLNN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Mã học phần: 1130299

Tên tiếng Anh: Philosophy of Marxism and Leninism

1. Thông tin chung về học phần:

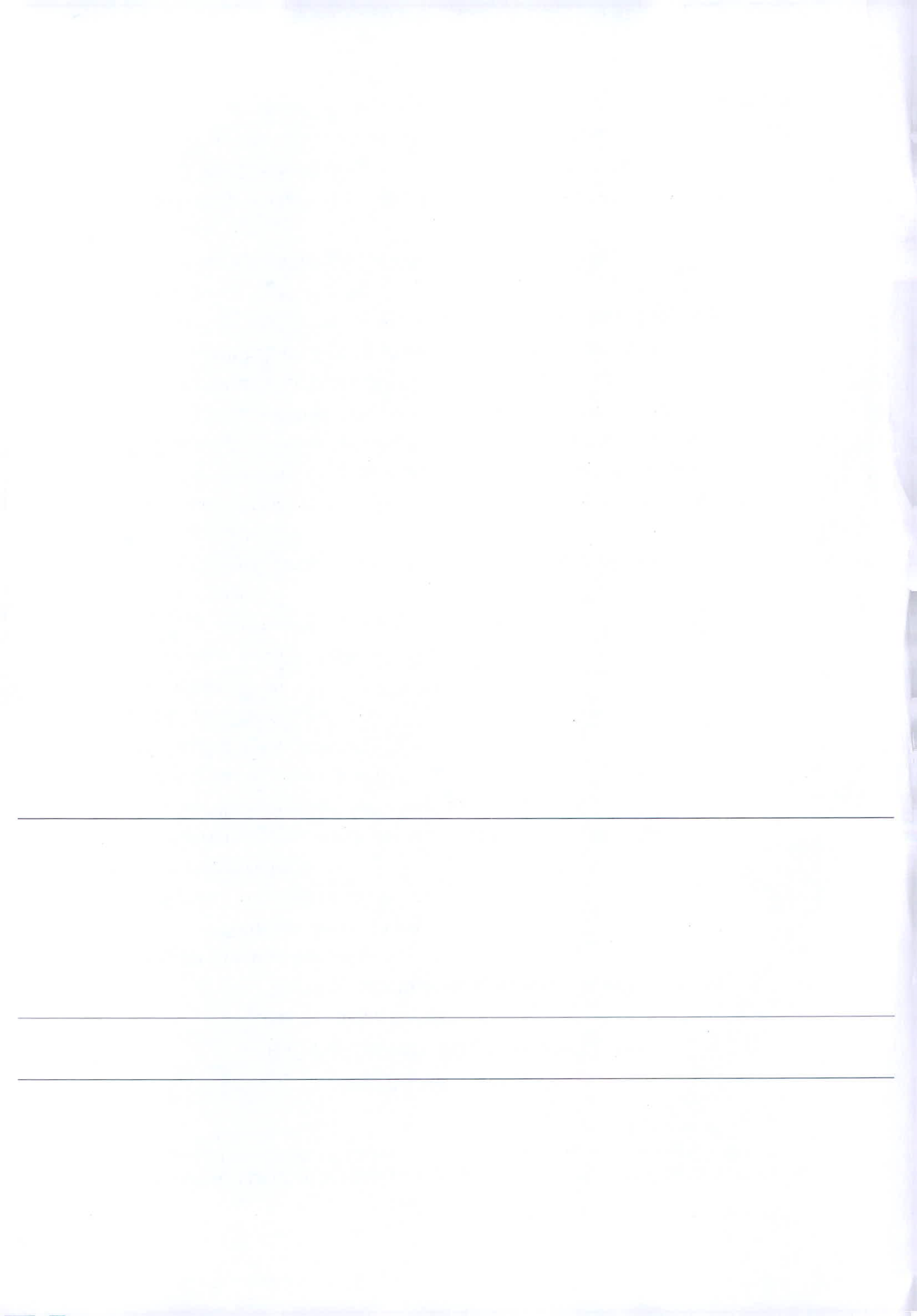
- Tên học phần: **Triết học Mác – Lênin**
- Mã học phần: 1130299 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Là môn học đầu tiên trong chương trình đại học
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Lý luận chính trị, Luật và Quản lý nhà nước

2. Mô tả học phần

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu CO)

- Kiến thức
- + CO1: Sinh viên hiểu biết, nhận thức được những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa Mác Lênin nói chung và triết học Mác Lênin nói riêng.
- + CO2: Sinh viên hiểu, trình bày được những kiến thức cơ bản về thế giới quan duy vật biện chứng, về phương pháp luận biện chứng duy vật và về chủ nghĩa



duy vật lịch sử.

- Kỹ năng

+CO3: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng từ các kiến thức đã học để xây dựng thế giới quan và phương pháp luận để giải quyết được một số vấn đề trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLO: Course learning Outcomes)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	-Biết được lịch sử hình thành và phát triển, vấn đề cơ bản, đối tượng, chức năng và vai trò của triết học Mác – Lênin.	PLO1	M
CO2	CLO2	- Hiểu biết được những kiến thức cơ bản chủ nghĩa duy vật biện chứng; nhớ những kiến thức về vật chất, ý thức và quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; trình bày được các nội dung về phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	- Có khả năng áp dụng các nguyên tắc khách quan, nguyên tắc tôn trọng yếu tố chủ quan,	PLO5	M

		quan điểm phát triển, quan điểm toàn diện... trong hoạt động học tập chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân.		
CO3	CLO3	-Có khả năng ứng dụng được các nguyên lý, phạm trù, các quy luật cơ bản của phép BCDV để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; áp dụng được những kiến thức đã học ở phần CNDV LS, nắm được quy luật và những động lực cơ bản của lịch sử để giải thích về những vấn đề xã hội, những biến động chính trị như đấu tranh giai cấp, cách mạng XH v.v...	PLO5	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	- Thông qua các buổi học tập theo phương pháp thảo luận, seminar... rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nghiên cứu; có khả năng nghiên cứu và làm việc độc lập.	PLO9	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Triết học - Mác Lênin</i> , Hà Nội, 20019] (Tài liệu dùng tập huấn giảng dạy năm 2019 dành cho khối không chuyên Lý luận chính trị)
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] <i>Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin</i> (t.1), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008] [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo: <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006 [3] Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i> , NXB Chính trị

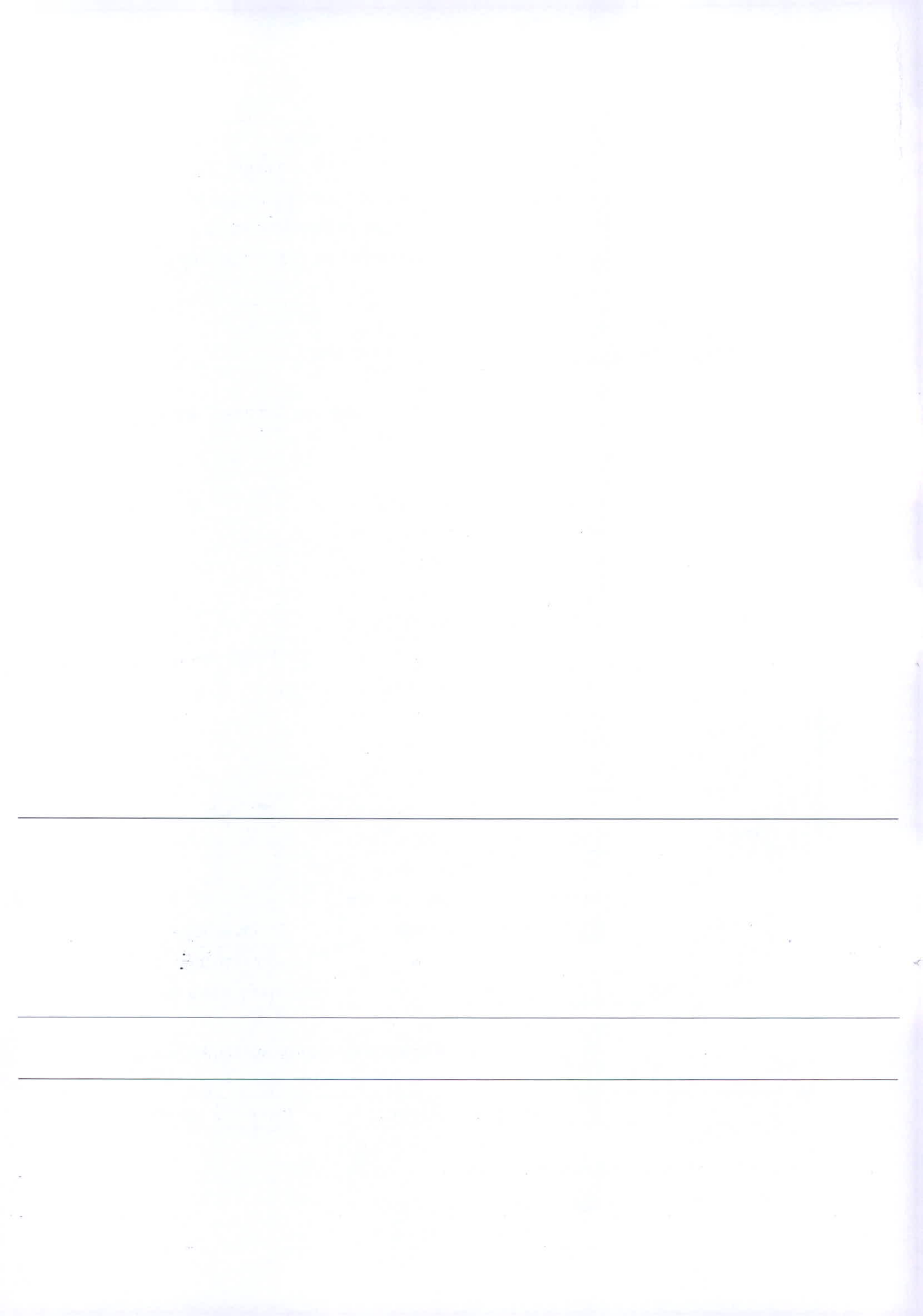
	Quốc gia, Hà Nội, 2005. [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009]
Các loại học liệu khác:	[1] TRIETHOC.EDU.VN

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	-Sinh viên hệ thống được kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO 2
Đàm thoại, vấn đáp	-Sinh viên hiểu rõ các vấn đề được diễn giảng	CLO2
Bài tập	Giúp vận dụng bài học để giải quyết, luận giải các vấn đề thực tiễn: của bản thân, các vấn đề chính trị - xã hội	CLO3
Nghiên cứu khoa học	Không có	
Tự học	Giảng viên định hướng nội dung nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp tiến hành và yêu cầu kết quả đạt được... tương ứng với các phần trong 60 giờ tự học	CLO3

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1 (3t)	<p>Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội</p> <p>1.1.Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái lược về triết học - Vấn đề cơ bản của triết học 	CLO1 CLO2



	- Biện chứng và siêu hình	
2 (3t)	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác Lênin trong đời sống xã hội - Sự ra đời và phát triển - Đối tượng và chức năng - Vai trò của triết học Mác - Lênin	CLO1 CLO2
3 (3t)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức - Vật chất và - Ý thức	CLO1 CLO2
4 (3t)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức - Quan hệ biện chứng giữa VC-YT	CLO1 CLO2 CLO3
5 (3t)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng Thảo luận một số nội dung của chương 2: - Tính thống nhất vật chất của thế giới - Các hình thức và phương thức tồn tại của vật chất	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
6(3t)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.2. Phép biện chứng duy vật - Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật - Nội dung của phép BCDV 3.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
7 (3t)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.2. Phép biện chứng duy vật - Nội dung của phép BCDV + Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
8 (3t)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.2. Phép biện chứng duy vật	CLO1 CLO2

	<p>- Nội dung của phép BCDV</p> <p>+ Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>(Giới thiệu vấn đề lý luận chung và phân tích một cặp phạm trù làm mẫu mẫu)</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p>
9 (3t)	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>3.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy luật lượng – chất - Quy luật mâu thuẫn 	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>
10 (3t)	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>3.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (tt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy luật mâu thuẫn (tt) - Quy luật phủ định của phủ định 	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>
11 (3t)	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>3.5. Lý luận nhận thức</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>
12 (3t)	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>Thảo luận một số nội dung của chương 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cặp phạm trù tất nhiên – ngẫu nhiên; khả năng – hiện thực - Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý 	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>
13 (3t)	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực sản xuất của cải vật chất trong đời sống xã hội - Quan hệ biện chứng giữa LLSX – QHSX - Quan hệ biện chứng giữa CSHT – KTTT 	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>

14 (3t)	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội - Quá trình lịch sử tự nhiên của các hình thái kinh tế - xã hội. 3.2. Giai cấp và dân tộc - Giai cấp và đấu tranh giai cấp - Dân tộc - Mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc – nhân loại	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
15 (3t)	Chương 3 : Chủ nghĩa duy vật lịch sử Thảo luận một số vấn đề về - Đấu tranh giai cấp - Các vấn đề về dân tộc	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
16 (3t)	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.5. Triết học về con người	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
17 (1t LT+ 1t TL)	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử Thảo luận một số vấn đề của chương 3 (1t) Ôn tập (1t)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.
(3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, vắng không quá 20% số tiết học	Trong suốt cả quá trình học tập	CLO1 CLO2	10%

				
2	Quá trình Thảo luận	Kỹ năng thuyết trình, phân tích, làm việc nhóm...	Các buổi 5,12,15, 17	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết	Theo kế hoạch của trường	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đoàn Thế Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS. Tiến sỹ
- Email: doanthehung@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ 0839226969

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Tăng Văn Thạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: tangvanthanh@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ 0972097150

9.3. Giảng Viên 3:

- Họ tên: Nguyễn Thị Ngọc Thùy
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyenthingocthuy@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ 0919221137

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Mai Thị Thắm
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: maithitham@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ 0977020042

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn học - Đảm bảo đúng tiến độ - Đánh giá được mức độ nắm bắt và vận dụng nội dung đã được trang bị
Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các giờ học - Thực hiện đầy đủ những yêu cầu của giảng

	viên đối với môn học và báo cáo kết quả trước giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Ghi chép, quan sát, vận dụng, trả lời câu hỏi...
Quy định về học vụ	Chuẩn bị tài liệu, xem bài trước khi lên lớp, thảo luận nhóm...
Các quy định khác	Chấp hành nề nếp và kỉ luật lớp học

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

↓

+ CO1: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin và những kiến thức cơ bản của những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

+ CO2: Phân tích được một số lý luận cơ bản của học thuyết kinh tế Mác – Lênin, một số nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Việt Nam; áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- Kỹ năng:

+ CO3: Hình thành kỹ năng trình bày vấn đề, phân tích, xử lý tình huống trong công việc cụ thể.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

+ CO5: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Đánh giá được một số lý luận cơ bản trong học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác – Lênin: lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa, về giá trị thặng dư; lý luận của Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường...	PLO1	H

		- Đánh giá được được một số vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay như: kinh tế thị trường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hội nhập kinh tế quốc tế...		
CO2	CLO2	- So sánh một số mô hình kinh tế thị trường trên thế giới và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. - Giải thích được một số thay đổi của kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.	PLO3	L
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có khả năng phân tích để nhận diện bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế; nhận thức và vận dụng trong thực tiễn cuộc sống.	PLO5	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Tự nghiên cứu, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.	PLO9	H
CO5	CLO5	Đấu tranh, phê phán chống lại các trào lưu tư tưởng xuyên tạc Chủ nghĩa Mác – Lênin; khắc phục tư duy giáo	PLO10	H

		điều, xa rời hiện thực trong quá trình nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin cũng như quá trình vận dụng học thuyết kinh tế này vào thực tiễn.		
--	--	---	--	--

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành, Hà Nội 2019.
Tài liệu tham khảo:	- Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Hà Nội 2018. - Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Hà Nội 2004.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình, diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp sinh viên hiểu sâu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3
Thảo luận	Phát triển khả năng trao đổi thông tin, thể hiện suy nghĩ, quan điểm cá nhân của sinh viên; phát triển năng lực phân tích và tổng hợp của người học.	CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và	

[Buổi 1] (3tiết lý thuyết)	<p>chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin</p> <p>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin</p> <p>1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin</p>	CLO1
[Buổi 2] (3tiết lý thuyết)	<p><i>Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</i></p> <p>2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa</p> <p>2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p>	CLO1, CLO2
[Buổi 3] (3tiết lý thuyết)	<p><i>Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</i></p> <p>2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[Buổi 4] (3tiết lý thuyết)	<p><i>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</i></p> <p>3.1. Lý luận của Các Mác về giá trị thặng dư</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p>	CLO1, CLO2
[Buổi 5] (3tiết lý thuyết)	<p><i>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</i></p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[Buổi 6] (3 tiết thảo luận)	Tác động của các quy luật thị trường đến các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường.	CLO3, CLO4, CLO5
	<p><i>Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</i></p> <p>4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền</p>	CLO1, CLO2

[Buổi 7] (3tiết lý thuyết)	kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	
[Buổi 8] (3 tiết lý thuyết)	<i>Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</i> 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[Buổi 9] (3tiết lý thuyết)	<i>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam</i> 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[Buổi 10] (3tiết lý thuyết)	<i>Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</i> 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[Buổi 11] (3tiết thảo luận)	Làm rõ những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam.	CLO3, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Tất cả các buổi học	CLO1	10%
		Sinh viên vắng không quá 20% số tiết học.	Tất cả các buổi		

			học		
2	Quá trình Thảo luận	Sinh viên làm theo nhóm và trình bày tại lớp Tiêu chí đánh giá kỹ năng phân tích thuyết trình, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 6, 11	CLO3, CLO4, CLO5	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 17 của học kỳ	CLO2, CLO4, CLO5	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: bichngoc80dhqn@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0914116479

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngân Loan
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyenthinganloan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0915367515

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hồ Thị Minh Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: hothiminhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914746090

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Ngô Thị Anh Thu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: ngothianhthu@qnu.edu.vn Điện thoại: 0918998913

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Lê Kim Chung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: lekimchung@qnu.edu.vn Điện thoại: 0935748777

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Nguyễn Đình Hiền

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

- Email: nguyendinhchien@qnu.edu.vn Điện thoại: 0903599502

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn học.
	- Đảm bảo chương trình, đúng tiến độ. - Đánh giá được mức độ hiểu và vận dụng của sinh viên.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Chuẩn bị bài, tham gia đầy đủ các tiết học - Thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các buổi học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi.
Quy định về học vụ	Giáo trình, các tài liệu liên quan...
Các quy định khác	Chấp hành nội quy, quy định của trường, lớp

Bình Định, ngày 10 tháng 3 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là những tri thức về Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH.

+ CO2: Sinh viên nắm được nội dung cơ bản của các vấn đề chính trị - xã hội trong TKQĐ lên CNXH như xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

- Kỹ năng

+ CO3: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

+ CO4: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành; Thông qua các hình thức như thảo luận, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống xảy ra trong công việc cụ thể;

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung;

+ CO6: Bước đầu rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; hình thành phương pháp nhận thức đúng, giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Kiến thức				
CO1	CLO1	Đánh giá đúng các phạm trù, quy luật chính trị - xã hội cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và TKQĐ lên CNXH.	PLO1	H
CO2	CLO2	Đánh giá một cách khách quan, khoa học về các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong TKQĐ lên CNXH như xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo...trong TKQĐ lên CNXH	PLO1	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có khả năng giải thích thực tiễn và vận dụng các tri thức đã học để xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	PLO5	M
CO4	CLO4	Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	PLO8	H
CO6	CLO6	Hình thành kỹ năng nghiên cứu	PLO10	H

		khoa học; phương pháp nhận thức đúng, giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn		
--	--	---	--	--

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.
Tài liệu tham khảo:	[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009. [2] <i>Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (t.1)</i> , Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008. [3] <i>Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (t.2)</i> , Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008. [4] <i>Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (t.3)</i> , Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình, Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.	CLO3
	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO4
Thảo luận	Giúp sinh viên phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ độc lập và có quan điểm rõ ràng; phát triển năng	CLO5, CLO6

	lực phân tích và tổng hợp của người học.	
--	--	--

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (3t)	<p>Chương 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC</p> <p>1.1. Sự ra đời của CNXHKKH</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển của CNXHKKH</p> <p>1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH</p>	CLO1, CLO2
2 (3t)	<p>Chương 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN</p> <p>2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân</p> <p>2.2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</p> <p>2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p>	CLO1
3 (3t)	<p>Chương 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH</p> <p>3.1. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>3.3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam</p>	CLO1
4 (3t)	<p>THẢO LUẬN:</p> <p>Đánh giá những thành tựu và hạn chế của CNXH hiện thực ở Việt Nam từ khi đổi mới (1986) đến nay.</p>	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
5 (3t)	<p>Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>4.1. Dân chủ và dân chủ XHCN</p> <p>4.2. Nhà nước XHCN</p> <p>4.3. Xây dựng chế độ dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam</p>	CLO2

6 (3t)	Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG TKQĐ LÊN CNXH 5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong TKQĐ lên CNXH 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH	CLO2
7 (3t)	Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG TKQĐ LÊN CNXH (tiếp theo) 5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
8 (3t)	Chương 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH 6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	CLO2
9 (3t)	Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	CLO2
10 (3t)	THẢO LUẬN: Tại sao nói quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ TBCN ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn?	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
11 (3t)	HỆ THỐNG LẠI KIẾN THỨC + ÔN TẬP	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham	Tất cả các buổi		10%

		gia các hoạt động trong giờ học	học	CLO1	
		Sinh viên vắng không quá 20% số tiết học.	Tất cả các buổi học		
2	Quá trình Thảo luận	Sinh viên làm theo nhóm và trình bày tại lớp Tiêu chí đánh giá kỹ năng phân tích thuyết trình, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 4, 10	CLO3, CLO4, CLO6	20%
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 17 của học kỳ	CLO2, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Nghĩa Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email:ngothinghiabinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0983244176

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Trung Kiên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email:nguyentruongkien@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0983428579

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email:nguyentuananh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989736648

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn học - Đảm bảo đúng tiến độ - Đánh giá được mức độ nắm bắt và vận dụng nội dung đã được trang bị
------------------------	--

Yêu cầu đối với sinh viên	- Tham gia đầy đủ các giờ học - Thực hiện đầy đủ những yêu cầu của giảng viên đối với môn học và báo cáo kết quả trước giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Ghi chép, quan sát, vận dụng, trả lời câu hỏi...
Quy định về học vụ	Chuẩn bị tài liệu, xem bài trước khi lên lớp, thảo luận nhóm...
Các quy định khác	Chấp hành nề nếp và kỉ luật lớp học

Bình Định, ngày 1 tháng 1 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





TS. Ngô Thị Nghĩa Bình

TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã học phần: 1130302
Tên tiếng Anh: History of Vietnamese Communist Party

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Mã học phần: 1130302 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Sinh viên phải học xong môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - + Thảo luận: 6 tiết
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Lý luận chính trị - Luật - Quản lý nhà nước.

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

- + CO1: Hiểu được các khái niệm và quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- + CO2: Hiểu được nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

- Kỹ năng

- + CO3: trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học.
- + CO4: Từ kiến thức được trang bị, người học có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử

vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Có khả năng thu thập tài liệu, nghiên cứu những vấn đề thuộc về lịch sử của Đảng. Từ đó hình thành ở người học niềm tin và sự trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ CO6: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLO: Course learning Outcomes)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Vận dụng kiến thức đã học phân tích được quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	PLO1	H
CO2	CLO2	Phân tích được nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.	PLO5	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng được phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học.	PLO4	L
CO4	CLO4	Từ kiến thức được trang bị, người học có khả năng vận dụng nhận thức lịch	PLO4	L

		sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Vận dụng được kiến thức đã học trong việc thu thập tài liệu, nghiên cứu những vấn đề thuộc về lịch sử của Đảng. Từ đó hình thành ở người học niềm tin và sự trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam.	PLO6	M
CO6	CLO6	Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, sinh viên có khả năng phân biệt được sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	PLO10	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: <i>Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.
Tài liệu tham khảo:	1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng HCM: <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 54 tập 3. Website http://dangcongsan.vn/
Các loại học liệu khác:	1. CD-ROM Văn kiện Đảng toàn tập 1, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2007 2. CD-ROM Văn kiện Đảng toàn tập 2, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2007

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp sinh viên thói quen trao đổi; đào sâu suy nghĩ trong khi học tập	CLO3, CLO4
Đặt và giải quyết vấn đề	Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.	CLO5, CLO6
Làm bài tập về nhà	Giúp sinh viên nghiên cứu trước bài học, mở rộng kiến thức	CLO4, CLO5
Tự học	Tự nghiên cứu những nội dung do giảng viên yêu cầu	CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1 (2 tiết)	<p>Giới thiệu chương trình, yêu cầu đối với người học, giới thiệu tài liệu tham khảo</p> <p>Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu + Đối tượng nghiên cứu + Phạm vi nghiên cứu</p> <p>2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học + Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng + Nhiệm vụ của môn học</p> <p>3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học + Phương pháp luận + Các phương pháp cụ thể</p>	CLO1

2 (3 tiết)	<p>Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)</p> <p>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930).</p> <p>1.1.1. Bối cảnh lịch sử (Hướng dẫn sinh viên tự học).</p> <p>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng.</p> <p>1.1.3. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	CLO2, CLO5	
3 (3tiết)	<p>Chương 1 (Tiếp theo)</p> <p>1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)</p> <p>1.2.1. Phong trào cách mạng 1930 – 1935 và khôi phục phong trào 1932 – 1935.</p> <p>1.2.2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939.</p> <p>1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945</p>	CLO2	
4	1 tiết	1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám 1945.	CLO2, CLO5
	2 tiết	Thảo luận: Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930 – 1945.	CLO2, CLO5, CLO6
5 (3 tiết)	<p>Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)</p> <p>2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</p> <p>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950. (Hướng dẫn sinh viên tự học).</p> <p>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 – 1954.</p> <p>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.</p>	CLO2, CLO5, CLO6	
6 (3 tiết)	<p>Chương 2(tiếp theo)</p> <p>2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975)</p> <p>2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 – 1965.</p>	CLO2, CLO5	

		2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 – 1975. (Hướng dẫn sinh viên tự học). 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975.	
7	3 tiết	Chương 2 (tiếp theo) 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975. (tiếp theo) Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ sau 1975) 3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 – 1981. KIỂM TRA GIỮA KỲ.	CLO2, CLO4
8	(2 tiết)	Thảo luận: Đường lối và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 1945 – 1954.	CLO2, CLO5
9	(3 tiết)	Chương 3 (tiếp theo) 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986. 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 – 1996.	CLO2, CLO4, CLO5
10	(3 tiết)	Chương 3 (tiếp theo) 3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. (Hướng dẫn sinh viên tự học) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	CLO2, CLO6
11	1 tiết	Chương 3 (tiếp theo) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới (tiếp theo)	CLO2, CLO5
	2 tiết	Thảo luận: Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế	CLO3, CLO4
12	(2 tiết)	Tổng kết và nhắc nhở sinh viên ôn tập	CLO2, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	Đi học đúng giờ; theo dõi được bài giảng, tham gia tích cực khi giảng viên sử dụng phương pháp vấn đáp; thực hiện được nội quy lớp học	Theo từng buổi học	CLO2	10%
		Tham gia đầy đủ các tiết học, nếu nghỉ học phải xin phép		CLO2	
2	<i>Quá trình</i>				20%
	<i>Bài tập ở nhà</i>	Làm đúng nội dung, kế hoạch được giao	Theo kế hoạch giảng dạy	CLO5	
	<i>Thảo luận</i>	Có chuẩn bị bài và tích cực tham gia thảo luận	Theo kế hoạch giảng dạy	CLO5	
	<i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	Đảm bảo nội dung, trình bày rõ ràng	Theo kế hoạch giảng dạy	CLO5	
3	<i>Cuối kỳ</i>	Thi viết (90 phút); căn cứ vào đáp án để đánh giá	Theo kế hoạch năm học	CLO5, CLO6	70%

9. Các giảng viên phụ trách học phần

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đặng Thị An
- Chức danh, học hàm, học vị: thạc sĩ
- Email: dangthian@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0842745666

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hồ Xuân Quang
- Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS
- Email: hoxuanquang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905110372

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trịnh Thị Thắng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: trinhthithang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985792069

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Hoàng Phương Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: hoangphuongthuy@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905709727

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Phạm Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: phamanhtuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905108898

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần, đúng tiến độ
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học đầy đủ, xem bài trước ở nhà, thực hiện mọi

	yêu cầu của giảng viên. Cập nhật các vấn đề về thời sự, chính trị,...
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học. Có thiết bị có thể kết nối internet
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực tham gia thảo luận
Quy định về học vụ	Theo quy chế đào tạo tín chỉ của nhà trường
Các quy định khác	Có điểm thưởng/phạt về thái độ học tập để cộng/trừ vào điểm chuyên cần

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Trịnh Thị Thắng

TS. Ngô Thị Nghĩa Bình

PGS.TS. Đoàn Thế Hùng



HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mã học phần: 1130091

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh thought

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Mã học phần: 1130091 . Số tín chỉ: 2 tín chỉ
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thảo luận: 6 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

2. Mô tả học phần

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp những hiểu biết sự hình thành phát triển, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam.

+CO2: Hiểu biết về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Kỹ năng:

+ CO3: Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống , học tập, công tác.

+ CO4: Có khả năng phân tích, bác bỏ những quan điểm sai trái về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những luận cứ khoa học.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ CO5: Có niềm tin vào lãnh tụ, vào chế độ xã hội chủ nghĩa

+ CO6: Thấy được trách nhiệm bản thân trong việc học tập, rèn luyện góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLO: Course learning Outcomes)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Đánh giá đúng khái niệm; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO1	H
CO1	CLO2	Đánh giá được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO1	H
CO2	CLO3	Trình bày được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.	PLO3	L

CO2	CLO4	Đánh giá được giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO1	H
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Sử dụng phương pháp nghiên cứu đã học để nghiên cứu tác phẩm, bài nói chuyện, bài viết, quan điểm, hoạt động của Hồ Chí Minh	PLO6	M
CO4	CLO6	Có khả năng phân tích thông tin để phản biện trước những ý kiến xuyên tạc Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình những vấn đề thuộc về tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO9	H
CO6	CLO8	Vận dụng được một số nội dung, nhất là nội dung về đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh vào sinh hoạt, học tập, công tác của cá nhân	PLO8	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	1) Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015
Tài liệu tham khảo:	2) Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng HCM: Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008. 3) Tập bài giảng môn Tư tưởng Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ)
Các loại học liệu khác:	4) CD-ROM Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2011 5) Website http://baotanghochiminh.vn/

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
--	----------	---------------------

Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách khoa học, logic; bao gồm các khái niệm, những quan điểm cơ bản về cách Việt Nam.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp sinh viên thói quen trao đổi; đào sâu suy nghĩ trong khi học tập	CLO1, CLO5, CLO6
Đặt và giải quyết vấn đề	Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.	CLO5, CLO6
Làm bài tập về nhà	Giúp sinh viên nghiên cứu trước bài học, mở rộng kiến thức	CLO5, CLO6
Tự học	Tự nghiên cứu những nội dung do giảng viên yêu cầu	CLO3, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1 (3 tiết)	<p>Giới thiệu chương trình, yêu cầu đối với người học, giới thiệu tài liệu tham khảo</p> <p>Chương I : KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.1. Quá trình hình thành khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.2. Khái niệm</p> <p>2. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1.1. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.2. Mối quan hệ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với các môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị học Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng ng Cộng sản Việt Nam</p> <p>3. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>2.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2. Các phương pháp cụ thể</p>	CLO1, CLO5

	<p>3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên</p> <p>3.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>3.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>3.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>Chương II: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh (1 tiết)</p> <p>1.1. Cơ sở thực tiễn</p>	
<p>2 (3 tiết)</p>	<p>Chương II (tiếp theo)</p> <p>1.2. Cơ sở lý luận</p> <p>1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p>2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới</p> <p>2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản</p>	<p>CLO1</p>
<p>3 (3 tiết)</p>	<p>Chương II (tiếp theo – 2 tiết)</p> <p>2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo</p> <p>2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.</p> <p>3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>3.1. Đối với cách mạng Việt Nam ((hướng dẫn sinh viên tự học)</p>	<p>CLO4</p>

	<p>3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>Chương III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc (1 tiết)</p> <p>1.1. Vấn đề độc lập dân tộc</p>	
	<p>Chương III (tiếp theo)</p> <p>1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>2.Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2.3.Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.1. Độc lập dân tộc là tiền đề, cơ sở tiến lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2.Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc</p> <p>3.3. Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</p>	
4 (3 tiết)		CLO2, CLO3
1 tiết	<p>Chương III (tiếp theo - 1 tiết)</p> <p>4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay</p> <p>4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.3. Cùng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị.</p> <p>4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư</p>	CLO2, CLO3, CLO6
5		

	tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ.	
2 tiết	<p>Thảo luận:</p> <p>Phân tích tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ</p>	CLO2, CLO5, CLO6
6 (3 tiết)	<p>Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam</p> <p>2.1. Nhà nước dân chủ</p>	CLO2, CLO3
7 (3 tiết)	<p>Chương IV (tiếp theo – 2 tiết)</p> <p>2.2. Nhà nước pháp quyền</p> <p>2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p>3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước</p> <p>3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>3.2. Xây dựng nhà nước</p> <p>Chương V : TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc (1 tiết)</p> <p>1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>1. 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn</p>	CLO2, CLO3

		<p>dân tộc</p> <p>1.4. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân</p>	
		Chương V (tiếp theo – 1 tiết)	CLO5, CLO6, CLO7
	1 tiết	<p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p>2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p>	
8	2 tiết	<p>Thảo luận:</p> <p>Trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần chú ý những vấn đề gì?</p>	CLO2, CLO5, CLO6
	9 (3 tiết)	<p>Chương V (tiếp theo – 1 tiết)</p> <p>3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay</p> <p>3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng</p> <p>3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công-nông-trí dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế</p> <p>Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa (2 tiết)</p> <p>1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p>1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa</p> <p>1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới</p>	CLO2, CLO3
	10 (3 tiết)	<p>Chương VI (tiếp theo)</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách</p>	CLO2, CLO4

		<p>mạng</p> <p>2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng</p> <p>2.3. Quan điểm về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p>3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người</p> <p>3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người (hướng dẫn sinh viên tự học)</p> <p>3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người</p> <p>3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới</p>	
11	1 tiết	<p>Chương VI (tiếp theo)</p> <p>4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người</p> <p>4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng (hướng dẫn sinh viên tự học)</p>	CLO2, CLO4, CLO8
	2 tiết	<p>Thảo luận:</p> <p>1. Phân tích những yếu tố tác động đến việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay</p> <p>2. Nêu và phân tích những yêu cầu cơ bản đối với sinh viên hiện nay trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh</p>	CLO5, CLO6, CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Đi học đúng giờ; theo dõi được bài giảng, tham gia tích cực khi giảng viên sử dụng phương pháp vấn đáp; thực hiện được nội quy lớp học	Theo từng buổi học	CLO2	10%
		Tham gia đầy đủ các tiết học, nếu nghỉ học phải xin phép, khi đi học lại phải có ghi chép		CLO2, CLO8	

		bài cũ			
	Quá trình				20%
	Bài tập ở nhà	Làm đúng nội dung, kế hoạch được giao	Theo kế hoạch giảng dạy	CLO5, CLO6	
2	Thảo luận	Có chuẩn bị bài và tích cực tham gia thảo luận	Theo kế hoạch giảng dạy	CLO5, CLO3, CLO6, CLO7	
	Kiểm tra giữa kỳ	Đảm bảo nội dung, trình bày rõ ràng, đúng đáp án, đúng yêu cầu	Theo kế hoạch học	CLO5	
3	Cuối kỳ	Thi viết (90 phút); căn cứ vào đáp án để đánh giá	Theo kế hoạch học	CLO2, CLO4, CLO5	

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Văn Lợi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: levanloi@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0963951645

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Diễm Lệ
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothidiemle@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0978602974

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nhân
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthinhan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0385354986

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần, đúng tiến độ
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học đầy đủ, xem bài trước ở nhà, thực hiện mọi yêu cầu của giảng viên.

	Cập nhật các vấn đề về thời sự, chính trị,...
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu học tập. Có thiết bị có thể kết nối internet
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực tham gia thảo luận
Quy định về học vụ	Theo quy chế đào tạo tín chỉ của nhà trường
Các quy định khác	Có điểm cộng hoặc trừ về thái độ học tập

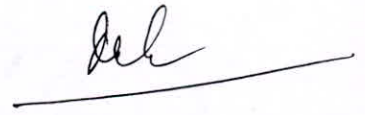
Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Lê Văn Lợi

TS. Ngô Thị Nghĩa Bình

PGS, TS Đoàn Thế Hùng

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

+ CO3: Nhận biết được đối tượng và phương pháp điều chỉnh của mỗi ngành luật. Trình bày một số chế định cơ bản của một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- *Kỹ năng*

+ CO4: Kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật và các cơ quan tổ chức trợ giúp pháp lý;

+ CO5: Kỹ năng đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích các tình huống thực tiễn, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm:*

+ CO6: Có thái độ đúng đắn về địa vị làm chủ của công dân để từ đó có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân;

+ CO7: Tôn trọng pháp luật, tuân thủ, chấp hành và sử dụng tốt pháp luật trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bản thân, gia đình, nhà nước và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Kí hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật, các yếu tố trong cơ chế điều chỉnh pháp luật	PLO1	M
CO2	CLO2	Diễn giải được các quy định của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật cơ bản như Luật hình sự, Luật Hành chính, Luật dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động và pháp luật quốc tế	PLO1	M
CO3	CLO3	Phân tích được quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong một số quan hệ pháp luật nhất định	PLO1	M

Kỹ năng				
CO4	CLO4	Tìm kiếm và đọc hiểu được các thuật ngữ pháp lý và văn bản quy phạm pháp luật	PLO8	M
CO5	CLO5	Có khả năng thuyết trình và tổ chức làm việc nhóm	PLO11	M
		Áp dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết được một số vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế	PLO7 PLO12	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO6	Tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật	PLO10	M
CO7	CLO7	Tham gia tích cực đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật	PLO10	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	TS. Nguyễn Hợp Toàn (Chủ biên), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i> (Tái bản lần thứ 5, có chỉnh sửa bổ sung), NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
Tài liệu tham khảo	TS. Bùi Thị Long (Chủ biên), Trường Đại học Quy Nhơn, <i>Tài liệu giảng dạy học phần Pháp luật đại cương</i> , 2020.
	GS.TS. Mai Hồng Quý (Chủ biên), Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i> , Nxb Đại học Sư phạm, 2017.
	GS,TS Võ Khánh Vinh (Chủ biên), <i>Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật</i> , Nxb Công an nhân dân, 2012.
	PGS,TS Nguyễn Văn Động, <i>Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.
	TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, 2010.
	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2018
	Văn bản hợp nhất 01/VBHN-VPQH năm 2017 hợp nhất Bộ luật Hình sự
	Bộ luật Dân sự 2015
	Bộ luật Lao động 2019
	Luật Phòng, chống tham nhũng 2018

	Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012
	Luật hôn nhân và gia đình năm 2014
Các loại học liệu khác:	Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao congboanan.toaan.gov.vn
	Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp
	Cổng thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
	Thư viện Pháp luật

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật, biết, hiểu về các	CLO1
	thuật ngữ pháp lý, các vấn đề chung về nhà nước và pháp luật.	CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp sinh viên hiểu, vận dụng các kiến thức về nhà nước và pháp luật vào giải quyết các vấn đề cụ thể của đời sống xã hội	CLO2 CLO3
Trực quan	Giúp sinh viên tiếp cận với các quy định cụ thể của pháp luật thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, sơ đồ hóa, hệ thống kiến thức hoặc tiếp cận các tình huống pháp luật cụ thể của xã hội .	CLO1 CLO2 CLO3
Thảo luận	Sử dụng trong các đơn vị kiến thức về các ngành luật cụ thể trong Hệ thống pháp luật Việt Nam, cho sinh viên thảo luận nhóm một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn nhằm phân tích, đánh giá vấn đề một cách sâu sắc và đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm giải quyết vấn đề.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7
Bài tập tình huống	Giúp người học nghiên cứu trước bài học hoặc củng cố kiến thức đã học, giúp người học có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi	Nội dung	CĐR học phần
[1] (3 tiết)	+ Giới thiệu môn học Chương 1. Lý luận chung về nhà nước 1.1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng của nhà nước 1.2. Chức năng nhà nước 1.3. Hình thức nhà nước 1.4. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bản chất, chức năng, hình thức * Nội dung tự học: + Kiểu nhà nước + Nhà nước XHCN * Nội dung cần chuẩn bị trước: Lý luận chung về pháp luật	CLO1
[2] (3 tiết)	Chương 2. Lý luận chung về pháp luật 2.1. Bản chất, thuộc tính của pháp luật 2.2. Chức năng của pháp luật 2.3. Hình thức pháp luật * Nội dung tự học: + Nguồn gốc pháp luật + Kiểu pháp luật + Pháp luật xã hội chủ nghĩa * Nội dung cần chuẩn bị trước: Quy phạm pháp luật, Văn bản quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật	CLO1
[3] (3 tiết)	Chương 3. Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật 3.1. Quy phạm pháp luật 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm quy phạm pháp luật 3.1.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6

	<p>3.2. Văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>3.2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta hiện nay</p>	
	<p>3.3. Quan hệ pháp luật</p> <p>3.3.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật</p>	
	<p>3.3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật</p> <p>* Nội dung tự học:</p> <p>+ Phân loại quy phạm pháp luật</p> <p>+ Phân loại quan hệ pháp luật</p> <p>* Nội dung cần chuẩn bị trước: Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p>	
[4] (3 tiết: 2LT+1TL)	<p>Chương 4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.1. Thực hiện pháp luật</p> <p>4.2. Vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.2. Cấu thành vi phạm pháp luật</p> <p>4.3.3. Các loại vi phạm pháp luật</p> <p>4.3. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.2. Các loại trách nhiệm pháp lý</p> <p>* Thảo luận: Vi phạm pháp luật - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp</p> <p>* Nội dung tự học:</p> <p>+ Ý thức pháp luật</p> <p>+ Pháp chế</p> <p>* Nội dung cần chuẩn bị trước:</p> <p>+ Hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>+ Luật Hình sự: Chế định về tội phạm; Chế định hình phạt</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

<p>[5] (3 tiết)</p>	<p>Chương 5: Hệ thống pháp luật Việt Nam 5.1. Khái niệm hệ thống pháp luật 5.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>Chương 6. Luật Hình sự 6.1. Khái niệm Luật Hình sự 6.2. Những nội dung cơ bản 6.2.1. Tội phạm 6.2.2. Hình phạt * Nội dung tự học: + Tìm hiểu các loại tội phạm cụ thể + Tìm hiểu thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự * Nội dung cần chuẩn bị trước: Luật Hành chính</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>
<p>[6] (3 tiết: 2LT+1TL)</p>	<p>Chương 7: Luật Hành chính 7.1. Khái niệm Luật Hành chính 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Cơ quan hành chính nhà nước 7.2. Những nội dung cơ bản 7.2.1. Quan hệ pháp luật hành chính 7.2.2. Vi phạm hành chính 7.2.3. Trách nhiệm hành chính * Thảo luận: Trách nhiệm hành chính - Thực trạng và giải pháp * Nội dung cần chuẩn bị trước: Luật Dân sự</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>
<p>[7] (3 tiết: 2LT+1TL)</p>	<p>Chương 8: Luật Dân sự 8.1. Khái niệm Luật Dân sự 8.2. Những nội dung cơ bản + Quyền nhân thân + Tài sản và các quyền đối với tài sản + Hợp đồng * Thảo luận: Vấn đề bảo vệ quyền bí mật đời tư hiện nay * Nội dung cần chuẩn bị trước: Luật Lao động * Kiểm tra giữa kỳ</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>

	<p>Chương 9. Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>9.1. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình</p> <p>9.2. Những nội dung cơ bản</p> <p>+ Chế định kết hôn</p>	CLO2 CLO3
[8] (3 tiết:	+ Chế định về quan hệ giữa vợ và chồng + Chế định chấm dứt hôn nhân	CLO4 CLO5
2LT+1TL)	<p>* Thảo luận: Vấn đề tranh chấp khi ly hôn</p> <p>* Nội dung tự học:</p> <p>+ Thẩm quyền đăng ký kết hôn</p> <p>+ Xử lý kết hôn trái pháp luật</p> <p>* Nội dung cần chuẩn bị trước: Luật Lao động</p>	CLO6 CLO7
	Chương 10. Luật Lao động	
[9] (3 tiết: 2LT+1TL)	<p>10.1. Khái niệm Luật Lao động</p> <p>10.2. Những nội dung cơ bản</p> <p>+ Chế định hợp đồng lao động</p> <p>+ Chế định kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất</p> <p>* Thảo luận: Một số vấn đề cần lưu ý khi ký kết hợp đồng lao động</p> <p>* Nội dung tự học:</p> <p>+ Thời gian làm việc, nghỉ ngơi</p> <p>+ Tiền lương</p> <p>+ Giải quyết tranh chấp</p> <p>* Nội dung cần chuẩn bị trước: Luật phòng, chống tham nhũng</p>	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7
[10] (3 tiết: 2LT+1TL)	<p>Chương 11: Pháp luật về phòng chống tham nhũng</p> <p>11.1. Phòng ngừa, phát hiện tham nhũng</p> <p>11.2. Xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng</p> <p>* Thảo luận: Một số giải pháp phòng, chống tham nhũng</p>	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7
[11] (3 tiết)	<p>Chương 12: Pháp luật quốc tế</p> <p>12.1. Kiến thức chung về công pháp quốc tế</p>	CLO2 CLO3

	12.2. Kiến thức chung về tư pháp quốc tế - Ôn tập	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7
--	--	------------------------------

8. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Tham dự đầy đủ các buổi học	Trên lớp, theo kế hoạch của Trường	CLO6	10%
		Đúng giờ, tôn trọng kỉ luật giờ học		CLO6	
2	Quá trình				20%
		Thảo luận: Thực hiện 1 trong các đề tài thảo luận (đã đăng ký theo hướng dẫn của giảng viên)	Theo Kế hoạch giảng dạy	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
		Kiểm tra giữa kỳ	Theo Kế hoạch giảng dạy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
3	Cuối kỳ	Thi viết	Theo Kế hoạch GD	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Bùi Thị Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: buithilong@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0965.598.468

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Vũ Thị Thúy Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.
- Email: vuthithuyhang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914.123.928

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo
Yêu cầu đối với sinh viên	+ Học tập, rèn luyện theo quy định. + Tham dự đầy đủ các buổi học + Hoàn thành các bài tập về nhà, bài kiểm tra, thảo luận
Quy định về tham dự lớp học	+ Thực hiện nội quy, kỷ luật của nhà trường, quy chế học đường về giờ giấc, tác phong, cư xử lịch sự, đảm bảo văn hóa học đường + Tôn trọng giảng viên, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.
Quy định về hành vi trong lớp học	+ Giữ trật tự trong giờ học + Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, tương tác nhóm
Quy định về học vụ	Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường
Các quy định khác	

Bình Định, ngày ... tháng ... năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

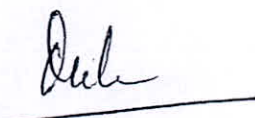
TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Thị Long

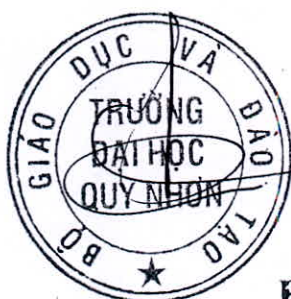


TS. Bùi Thị Long



PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG****Mã học phần: 1100267****Tên tiếng Anh: General Pedagogics****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Giáo dục học đại cương
- Mã học phần: 1100267 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Giáo dục học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong đào tạo ngành Công tác xã hội. Đây là học phần giúp người học hình dung tổng quát về khoa học giáo dục, quá trình giáo dục con người và những yêu cầu cơ bản để thực hiện quá trình đó nhằm vận dụng phù hợp trong hoạt động nghề nghiệp. Học phần này là cơ sở để sinh viên học những học phần về công tác xã hội đối với những đối tượng đặc thù. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm:

- Những vấn đề chung về khoa học giáo dục;
- Quá trình giáo dục tổng thể;
- Nền giáo dục Việt Nam;

- Đặc điểm của lao động sư phạm và yêu cầu đối với những người làm công tác giáo dục.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những hiểu biết cơ bản:

+ CO1: Về khoa học giáo dục; quá trình giáo dục tổng thể và nền giáo dục Việt Nam hiện nay;

+ CO2: Về lao động sư phạm và yêu cầu nghề nghiệp đối với những người làm công tác giáo dục.

- Kỹ năng

+ CO3: Có khả năng trình bày và phân tích vấn đề;

+ CO4: Có khả năng thực hiện những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản liên quan đến công tác giáo dục.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Bản thân trách nhiệm trong bồi dưỡng và thực hành chuyên môn và nghiệp vụ của người làm công tác xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các đặc trưng cơ bản của khoa học giáo dục. - Phân tích được tổng quát về giáo dục đối với sự phát triển xã hội và phát triển nhân cách con người, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này. - Giải thích được về nền giáo dục Việt Nam hiện nay bao gồm: nguyên lý, mục đích, 	PLO2	<p>L</p> <p>M</p> <p>L</p>

		nhiệm vụ, hệ thống giáo dục Việt Nam.		
CO2	CLO2	Phân tích được đặc trưng của lao động su phạm, các lực lượng giáo dục và yêu cầu đối với người làm công tác xã hội khi tham gia các hoạt động liên quan đến giáo dục.	PLO2	M
Kĩ năng				
CO3	CLO3	Thực hiện được việc phân tích vấn đề, phản hồi và trình bày ý kiến trước tập thể trong quá trình học tập.	PLO4	M
CO4	CLO4	Xử lý được các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp liên quan đến hoạt động giáo dục.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong học tập, rèn luyện và thực hành nghề nghiệp của mình.	PLO8 PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Phạm Việt Vượng, Giáo dục học, nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2017.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Nguyễn Sinh Huy - Nguyễn Văn Lê, Giáo dục học đại cương tập 1, nhà xuất bản Giáo dục, 1997; 2. Phạm Việt Vượng, Bài tập Giáo dục học, nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về khoa học giáo dục, quá trình giáo dục đối với sự phát triển xã hội và nhân cách con người.	CLO1 CLO2
Đàm thoại;	Giúp sinh viên hiểu được về quá trình giáo dục con người, về nền giáo dục Việt Nam, về các lực lượng giáo dục trong xã hội và đặc trưng của công tác này.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Luyện tập; Dạy học theo tình huống	Giúp sinh viên thực hiện được các yêu cầu học tập nhằm rèn luyện kỹ năng tự học, kỹ năng phản biện, kỹ năng vận dụng thực tiễn và định hướng bản thân.	CLO3 CLO4 CLO5
Thảo luận	Giúp sinh viên củng cố và điều chỉnh kiến thức về quá trình giáo dục, quá trình rèn luyện kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp.	CLO3 CLO4 CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	Chương 1: Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt 1.1.1. Hiện tượng giáo dục 1.1.2. Nguồn gốc giáo dục 1.1.3. Tính chất của hiện tượng giáo dục 1.1.4. Chức năng xã hội của giáo dục 1.1.5. Quan hệ giữa hiện tượng giáo dục với các hiện tượng xã hội khác 1.1.6. Các con đường giáo dục	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
2 (2 tiết)	1.2. Giáo dục học là một khoa học độc lập 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học 1.2.2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của giáo dục học 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học 1.2.4. Các phạm trù nghiên cứu của giáo dục học	CLO1 CLO2
3 (3 tiết)	Chương 2: Giáo dục và sự phát triển xã hội 2.1. Đặc điểm của xã hội hiện đại 2.1.1. Đặc điểm về kinh tế, văn hóa, chính trị của xã hội hiện đại 2.1.2. Xu thế phát triển của xã hội 2.2. Giáo dục hiện đại với sự phát triển xã hội 2.2.1. Thách thức của xã hội đặt ra cho giáo dục 2.2.2. Định hướng giáo dục của thế kỷ XXI	CLO1 CLO2 CLO4
4 (2 tiết)	Chương 3: Giáo dục và sự phát triển nhân cách 3.1. Sự phát triển nhân cách 3.1.1. Khái niệm con người 3.1.2. Nhân cách 3.1.3. Sự phát triển nhân cách	CLO1 CLO2 CLO4

5 (5 tiết)	<p>3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách</p> <p>3.2.1. Yếu tố tự nhiên – sinh học</p> <p>3.2.2. Yếu tố môi trường,</p> <p>3.2.3. Yếu tố giáo dục</p> <p>3.2.4. Yếu tố hoạt động cá nhân</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p>
6 và 7 (5 tiết)	<p>Bài tập: Phân tích một số tình huống thực tiễn để làm rõ sự tác động của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển nhân cách? Rút ra những bài học trong giáo dục?</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>
7 (1 tiết)	<p>Kiểm tra giữa kỳ:</p> <p>Vận dụng sự tác động của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển nhân cách mỗi người để giải thích các quan điểm về sự phát triển nhân cách con người tồn tại trong thực tiễn từ xưa đến nay</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>
8 (5 tiết)	<p>3.3. Giáo dục - đào tạo con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa</p> <p>Thảo luận: Đặc điểm về nhân cách con người Việt Nam hiện đại và những vấn đề cần tập trung trong giáo dục đào tạo con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa?</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>
9 (2 tiết)	<p>Chương 4: Mục đích giáo dục và nhiệm vụ giáo dục</p> <p>4.1. Khái quát về mục đích giáo dục</p> <p>4.2. Mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
10 (3 tiết)	<p>4.3. Nhiệm vụ giáo dục</p> <p>4.3.1. Giáo dục trí tuệ</p> <p>4.3.2. Giáo dục đạo đức</p> <p>4.3.3. Giáo dục thẩm mỹ</p> <p>4.3.4. Giáo dục lao động – hướng nghiệp</p> <p>4.3.5. Giáo dục thể chất</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO5</p>
11 (5 tiết)	<p>Bài tập: Phân tích hoạt động giáo dục để làm rõ việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong hoạt động đó</p>	<p>CLO1, CLO2,</p> <p>CLO3, CLO4</p> <p>CLO5</p>
12 (3 tiết)	<p>Chương 5: Nguyên lý và hệ thống giáo dục Việt Nam</p> <p>5.1. Nguyên lý giáo dục Việt Nam</p> <p>5.2. Khái quát về hệ thống giáo dục</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>

	5.2. Hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay	
13 và 14 14 (5 tiết)	Chương 6: Lao động sư phạm và nhà giáo dục 6.1. Đặc điểm lao động sư phạm 6.2. Vai trò và nhiệm vụ của nhà giáo dục 6.3. Đặc trưng của các lực lượng giáo dục 6.4. Những yêu cầu chung đối với nhà giáo dục	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
15 (5 tiết)	6.5. Bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực của nhà giáo dục hiện nay Thảo luận: Phương hướng tự bồi dưỡng phẩm chất và năng lực của nhà giáo dục hiện nay?	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	- Tích cực nêu ý kiến - Phối hợp hoạt động với giảng viên và tập thể - Tham gia học từ 80% số tiết trở lên	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10%
2	Quá trình				20%
	Kiểm tra giữa kỳ	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân/nhóm. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Nội dung bài đúng yêu cầu của đề + Không sao chép dưới mọi hình thức + Trình bày rõ ràng + Nộp bài đúng thời gian quy định + Liên hệ thực tiễn, sáng tạo	Giữa học kỳ	CLO1 CLO4 CLO5	
3	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra	Cuối kỳ	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	70%

		đề			
--	--	----	--	--	--

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothuy24@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0978903365

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: ngodungdhqn@gmail.com. Điện thoại liên hệ: 0976.020.870

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Võ Nguyên Du
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ
- Email: nguyenduvo@gmail.com. Điện thoại liên hệ: 0914123917

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Dương Bạch Dương
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: bachduong291005@gmail.com. Điện thoại liên hệ: 0914087560

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học ...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ phía giáo viên ...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học ...
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài ...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập

Bình Định, ngày tháng năm 20 ..

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Võ Thị Thủy

[Signature]
Nguyễn Lê Hà

[Signature]
Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



Handwritten text in red ink, possibly a date or reference number.

Handwritten text in blue ink, possibly a name or title.

Handwritten text in blue ink, possibly a number or signature.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

Mã học phần: 1100140

Tên tiếng Anh: Introduction of Sociology

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Xã hội học đại cương
- Mã học phần: 1100140 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần này nằm trong chương trình đại cương, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học; một số các khái niệm cơ bản của xã hội học; khái niệm cơ cấu xã hội; các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội; Xã hội học đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được cách thức giải quyết các vấn đề xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; quy trình điều tra xã hội học.

- Kỹ năng:

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; quy trình điều tra xã hội học.

+ CO3: Biết phát hiện và phân tích một vấn đề xã hội học cụ thể

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Hình thành năng lực lập bảng khảo sát, biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, mục đích, ý nghĩa ra đời của Xã hội học	PLO2	L
	CLO2	Trình bày được một số lý thuyết nghiên cứu xã hội học		L
	CLO3	Phân tích được mối quan hệ giữa xã hội học với các lĩnh vực nghiên cứu khác		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	Hình thành kỹ năng phát hiện và phân tích một vấn đề của xã hội học cụ thể	PLO6	H
CO3	CLO5	Biết phát hiện một vấn đề xã hội để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong Công tác xã hội và tiến hành nghiên	PLO7	H

		cứu trong phạm vi đó.		
Mức tự chủ và trách nhiệm:				
CO4	CLO6	Hình thành năng lực vận dụng kiến thức xã hội học vào hoạt động công tác xã hội	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. Trần Thị Kim Xuyên, Nguyễn Thị Hồng Xoan, <i>Nhập môn xã hội học</i> . Nhà xuất bản Thống kê, 2002
Tài liệu tham khảo thêm:	[2]. Đinh Anh Tuấn, <i>Xã hội học đại cương</i> , Tài liệu học tập, Trường Đại học Quy Nhơn, 2019.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên đề từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng đánh giá vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm, năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân, năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của hệ thống thân chủ để vận dụng được tiến trình công tác xã hội nhóm đối với thân chủ đó, sử dụng được các công cụ và kỹ thuật trong công tác xã hội nhóm, giúp hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với nhóm.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1) (3 tiết)	Chương 1: BÀI MỞ ĐẦU 1.1. Khái niệm xã hội học. 1.1.1. Xã hội học là gì? 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.1.3. Mối quan hệ của xã hội học với các khoa học khác Thảo luận (1 tiết) SV trình bày mối quan hệ của xã hội học với các khoa học Chính trị học, Đạo đức học, Luật học.	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(2) (3 tiết)	Chương 1(tt): BÀI MỞ ĐẦU 1.2. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học 1.2.1. Cơ cấu của xã hội học 1.2.2. Chức năng của XHH	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(3) (3 tiết)	Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC 2.1. Những điều kiện ra đời xã hội học. Ý nghĩa. 2.1.1. Những điều kiện ra đời xã hội học 2.1.2. Ý nghĩa của sự ra đời xã hội học Thảo luận (1 tiết) SV thảo luận trong số những điều kiện ra đời của XHH thì điều kiện nào là quan trọng nhất? Tại sao?	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(4) (3 tiết)	Chương 2(tt): SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC 2.2. Đóng góp của một số nhà xã hội học đầu tiên: 2.2.1. Đóng góp của A. Comte (1798 - 1857) 2.2.2. Đóng góp của K. Marx (1818 - 1883) Thảo luận (1 tiết): SV trình bày ý nghĩa đóng góp của các nhà khoa học đối với sự ra đời của XHH	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(5) (3 tiết)	Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI HỌC(tt) 2.2.3. Đóng góp của H. Spencer (1820 - 1903) 2.2.4. Đóng góp của E. Durkheim (1858 - 1917) Thảo luận (1 tiết): SV trình bày ý nghĩa đóng góp của các nhà khoa học đối với sự ra đời của XHH	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(6) (3 tiết)	Chương 3: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN LÝ XÂY DỰNG TRI THỨC XÃ HỘI HỌC	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>3.1. Khái niệm vị thế xã hội:</p> <p>3.1.1. Định nghĩa</p> <p>3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến vị thế xã hội</p> <p>3.2. Vai trò xã hội</p> <p>3.2.1. Định nghĩa</p> <p>3.2.2. Cơ chế đóng vai trò xã hội.</p> <p>Bài tập (1 tiết): Phân biệt vị thế xã hội với vai trò xã hội thông qua ví dụ cụ thể</p>	
(7) (3 tiết)	<p>Chương 3: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN LÝ XÂY DỰNG TRI THỨC XÃ HỘI HỌC</p> <p>3.3. Khái niệm chuẩn mực xã hội</p> <p>3.4. Khái niệm bất bình đẳng xã hội</p> <p>3.4.1. Khái niệm</p> <p>3.4.2. Nguồn gốc của bất bình đẳng xã hội</p> <p>3.5. Khái niệm Thiết chế xã hội</p> <p>Bài tập. Trình bày nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng xã hội.</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(8) (3 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3,
(9) (3 tiết)	<p>Chương 4: CƠ CẤU XÃ HỘI</p> <p>4.1. Khái niệm cơ cấu xã hội</p> <p>4.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội</p> <p>4.1.2. Các loại hình cơ cấu xã hội căn bản</p> <p>4.2. Một số khái niệm liên quan:</p> <p>4.2.1. Khái niệm cá nhân.</p> <p>4.2.2. Nhóm xã hội</p> <p>4.2.3. Khái niệm phân tầng xã hội</p> <p>4.3. Di động xã hội</p> <p>4.3.1. Khái niệm di động xã hội</p> <p>4.3.2. Các loại di động xã hội</p> <p>4.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến di động xã hội</p> <p>Thảo luận (1 tiết) SV thảo luận về các yếu tố chính ảnh hưởng đến di động xã hội</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(10) (3 tiết)	<p>Chương 5: XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ</p> <p>5.1. Khái niệm đô thị (thành thị)</p> <p>5.1.1. Định nghĩa:</p> <p>5.1.2. Các đặc trưng của đô thị</p>	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6

	Thảo luận (1 tiết) SV phân tích các đặc trưng của đô thị	
(11) (3 tiết)	Chương 5: XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ 5.2. Lối sống đô thị 5.2.1. Định nghĩa 5.2.2. Các đặc điểm của lối sống đô thị Thảo luận (1 tiết) SV phân tích các đặc điểm của lối sống đô thị	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(12) (3 tiết)	Chương 6: XÃ HỘI HỌC KINH TẾ VÀ LAO ĐỘNG 6.1. Lao động và phương pháp tiếp cận xã hội học kinh tế 6.1.1. Thành phần cấu trúc của lao động 6.1.2. Phân loại lao động 6.1.3. Lao động và xã hội hóa cá nhân 6.1.3.1. Xã hội hóa và giai đoạn trước lao động 6.1.3.2. Xã hội hóa và giai đoạn lao động Thảo luận (1 tiết) SV trình bày khái niệm xã hội hóa và phân biệt các giai đoạn của lao động	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
(13) (3 tiết)	Chương 6: XÃ HỘI HỌC KINH TẾ VÀ LAO ĐỘNG 6.1.3.3. Xã hội hóa và giai đoạn sau lao động 6.2. Cơ cấu xã hội- nghề nghiệp và thị trường lao động 6.2.1. Cơ cấu xã hội nghề nghiệp 6.2.2. Thị trường lao động Thảo luận (1 tiết) SV trình bày khái niệm xã hội hóa và phân biệt các giai đoạn của lao động	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
(14) (3 tiết)	Chương 7: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC 7.1. Các giai đoạn của cuộc điều tra xã hội học 7.1.1. Giai đoạn chuẩn bị 7.1.2. Giai đoạn thực hiện 7.1.3. Giai đoạn xử lý, phân tích thông tin và báo cáo kết quả 7.2. Bảng hỏi trong xã hội học	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
(15) (3 tiết)	Chương 7: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC 7.3. Các phương pháp lấy thông tin trong xã hội học: 7.3.1. Phương pháp quan sát 7.3.2. Phương pháp trưng cầu ý kiến	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

	7.3.3. Phương pháp phỏng vấn Ôn tập kết thúc học phần	
--	--	--

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. 	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
		Tham gia học từ 80% số tiết trở lên			
2	Quá trình				20%
	<i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định 	Giữa kỳ (buổi 4-7)	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: dinhhanhtuan@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0914046673

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: khoanguyen@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn



TS. Phan Thị Kim Dung



TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Mã học phần: 1100020

Tên tiếng Anh: General Psychology

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tâm lý học đại cương
- Mã học phần: 1100020 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác về học phần: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần nằm trong phần kiến thức cơ sở ngành và khối ngành thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về khoa học tâm lý, có thái độ đúng đắn trong việc nhìn nhận và đánh giá con người, đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận biết, xử lý các vấn đề có liên quan đến tâm lý con người. Học phần là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu và học tập các học phần khác có liên quan đến con người trong chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của cuộc sống thực tiễn và công việc trong tương lai.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, đặc điểm, quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý con người;

+ CO2: Giúp sinh viên hiểu được các đặc điểm về hoạt động – giao tiếp, hoạt động nhận thức, các đặc điểm về sự hình thành và phát triển nhân cách con người.

- Kỹ năng:

+ CO3: Hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận biết, đánh giá các đặc điểm tâm lý của bản thân và người khác.

+ CO4: Hình thành cho sinh viên kỹ năng xử lý, giải quyết các vấn đề, các tình huống liên quan đến tâm lý con người trong công việc và cuộc sống;

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ CO5: Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý con người trong công việc và cuộc sống hằng ngày; khách quan, độc lập, trách nhiệm khi đánh giá con người và có ứng xử đúng đắn, phù hợp với mọi người xung quanh.

+ CO6: Sinh viên tích cực hoàn thiện và giáo dục nhân cách của bản thân và người khác; có trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề tâm lý và tôn trọng đặc điểm tâm lý của người khác;

4. Chuẩn đầu ra học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phân loại, chức năng của tâm lý, bản chất, các quy luật hình thành và phát triển tâm lý; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức của con người;	PLO2	L

CO2	CLO2	Phân tích được các đặc điểm của hoạt động nhận thức; các đặc điểm, phẩm chất và thuộc tính của nhân cách, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách;	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Xác định được đặc điểm hoạt động và giao tiếp, các đặc điểm về nhận thức, đặc điểm nhân cách, đời sống tình cảm, ý chí và các thuộc tính tâm lý của bản thân và người khác;	PLO6	M
CO4	CLO4	Vận dụng các quy luật tâm lý, đời sống tình cảm, quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo, các yếu tố tác động đến việc hình thành và phát triển nhân cách để xử lý và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc, hoàn thiện nhân cách của bản thân;	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Xác định được tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý con người trong công việc và cuộc sống hàng ngày, có thái độ khách quan, độc lập, trách nhiệm khi đánh giá con người và có ứng xử đúng đắn, phù hợp với mọi người xung quanh.	PLO8	M
CO6	CLO6	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và lĩnh hội các kiến thức có liên quan đến tâm lý học; có trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề tâm lý và tôn trọng đặc điểm tâm lý của người khác;	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	[1] Nguyễn Quang Uẩn, <i>Tâm lý học đại cương</i> , Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013.
Tài liệu tham khảo	[1] Nguyễn Xuân Thức, <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i> , Nxb Đại học Sư phạm Tp HCM, 2006. [2] Trần Trọng Thủy, <i>Bài tập thực hành Tâm lý học</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002. [3] Huỳnh Văn Sơn, <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i> , Nxb

	Đại học Sư phạm Tp. HCM, 2012.
Các loại học liệu khác	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
<i>Diễn giảng</i>	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về Tâm lý học đại cương một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2,
<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>	Giúp SV hiểu bản chất các khái niệm, lý thuyết trong Tâm lý học đại cương, đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, phân tích, khái quát hóa, trừu tượng hóa các nội dung đã học, đồng thời giải đáp những thắc mắc cho sinh viên	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
<i>Bài tập</i>	Giúp SV củng cố kiến thức và hình thành các kỹ năng vận dụng các lý thuyết để giải quyết các vấn đề tâm lý trong cuộc sống và công việc; tích cực trong việc nghiên cứu tâm lý con người nói chung và học sinh sau này; nhìn nhận đánh giá con người trách nhiệm, công bằng, khách quan. Đồng thời qua bài tập giúp sinh viên ý thức được đặc điểm về tâm lý và nhân cách của bản thân và người khác.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Thuyết trình, thảo luận</i>	Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng và bồi dưỡng tính tích cực, chủ động trong học tập và nghề nghiệp	CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR Học phần
(1)	(2)	(3)
1 [3 tiết LT]	Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học 1.1.1. Khái niệm tâm lý 1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển Tâm lý học 1.1.3. Các quan điểm cơ bản trong tâm lý học hiện đại 1.1.4. Đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học	CLO1

<p>2 [2 tiết LT] [1 tiết BT]</p>	<p>Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</p> <p>1.2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý người</p> <p>1.2.1. Bản chất tâm lý người 1.2.2. Chức năng của tâm lý 1.2.3. Phân loại hiện tượng tâm lý</p> <p>1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý</p> <p>1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của Tâm lý học khoa học 1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý</p> <p>- Bài tập: Giải thích vì sao tâm lý người này lại khác tâm lý người kia?</p>	<p>CLO1 CLO6 CLO7</p>
<p>3 [2 tiết LT] [1 tiết TL]</p>	<p>Chương 2: HOẠT ĐỘNG - GIAO TIẾP VÀ Ý THỨC</p> <p>2.1. Hoạt động</p> <p>2.1.1. Khái niệm về hoạt động 2.1.2. Đặc điểm của hoạt động 2.1.3. Phân loại hoạt động 2.1.4. Cấu trúc của hoạt động 2.1.5. Vai trò của hoạt động đối với sự hình thành và phát triển tâm lý</p> <p>- Thảo luận: Mô tả lại cấu trúc của một hoạt động bằng một ví dụ cụ thể?</p>	<p>CLO1 CLO3</p>
<p>4 [1 tiết LT] [1 tiết BT] [1 tiết TL]</p>	<p>Chương 2: HOẠT ĐỘNG - GIAO TIẾP VÀ Ý THỨC</p> <p>2.2. Giao tiếp</p> <p>2.2.1. Khái niệm giao tiếp 2.2.2. Phân loại giao tiếp 2.2.3. Chức năng giao tiếp 2.2.4. Nguyên tắc giao tiếp 2.2.5. Quan hệ giữa giao tiếp và hoạt động 2.2.6. Vai trò của giao tiếp và hoạt động đối với sự hình thành và phát triển tâm lý</p> <p>2.3. Ý thức</p> <p>2.3.1. Khái niệm về ý thức 2.3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 2.3.3. Các cấp độ của ý thức</p> <p>- Bài tập: Xác định các loại giao tiếp trong một số tình huống cụ thể?</p>	<p>CLO1 CLO3 CLO5 CLO6</p>

	<p>- Thảo luận:</p> <p>+ Trình bày những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp? Từ đó hãy nêu những biện pháp để giao tiếp hiệu quả với người khác?</p> <p>+ Phân tích vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự hình thành, phát triển tâm lý người?</p>	
<p>5</p> <p>[2 tiết LT]</p> <p>[1 tiết TL]</p>	<p>Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC</p> <p>A. Hoạt động nhận thức cảm tính</p> <p>3.1. Cảm giác</p> <p>3.1.1. Khái niệm cảm giác</p> <p>3.1.2. Các loại cảm giác</p> <p>3.1.3. Vai trò của cảm giác</p> <p>3.1.4. Các quy luật cơ bản của cảm giác</p> <p>3.2. Tri giác</p> <p>3.2.1. Khái niệm tri giác</p> <p>3.2.2. Các loại tri giác</p> <p>3.2.3. Quan sát và năng lực quan sát</p> <p>3.2.4. Vai trò của tri giác</p> <p>3.2.5. Các quy luật của tri giác</p> <p>- Thảo luận: So sánh cảm giác với tri giác?</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p>
<p>6</p> <p>[2 tiết LT]</p> <p>[1 tiết TL]</p>	<p>Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC</p> <p>B. Hoạt động nhận thức lý tính</p> <p>3.3. Tư duy</p> <p>3.3.1. Khái niệm tư duy</p> <p>3.3.2. Đặc điểm của tư duy</p> <p>3.3.3. Các giai đoạn của tư duy</p> <p>3.3.4. Các thao tác tư duy</p> <p>3.3.5. Các loại tư duy</p> <p>3.4. Tưởng tượng</p> <p>3.4.1. Khái niệm tưởng tượng</p> <p>3.4.2. Các loại tưởng tượng</p> <p>3.4.3. Các cách sáng tạo trong tưởng tượng</p> <p>3.4.4. Loại suy</p> <p>- Thảo luận</p> <p>+ So sánh tư duy và tưởng tượng?</p> <p>+ Giải thích nhận định của Lê nin: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan”?</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>
7	Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH	CLO2

[3 tiết LT]	NHÂN CÁCH	CLO3
[1 tiết BT]	4.1. Khái niệm chung về nhân cách	CLO4
[1 tiết TL]	4.1.1. Nhân cách là gì? 4.1.2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách 4.1.3. Cấu trúc của nhân cách	CLO5 CLO6
	4.2. Các phẩm chất của nhân cách 4.2.1. Tình cảm - Bài tập: Xác định các quy luật của đời sống tình cảm trong một số câu ca dao, câu thơ, tục ngữ? - Thảo luận: Giải thích các hiện tượng thể hiện các quy luật tình cảm trong thực tế cuộc sống?	
8	Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH	CLO2
[1 tiết LT]	NHÂN CÁCH	CLO3
[1 tiết BT]	4.2. Các phẩm chất của nhân cách	CLO4
[2 tiết TL]	4.2.2. Ý chí - Bài tập: Phân biệt kỹ xảo với thói quen - Thảo luận: + Làm thế nào để hình thành một thói quen? + Làm thế nào để hình thành và rèn luyện ý chí của bản thân trong hoạt động và cuộc sống?	CLO5 CLO6
9	Chương 4: Nhân cách và sự hình thành nhân cách	CLO2
[3 tiết LT]	4.3. Các thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách:	CLO3
[1 tiết BT]	4.3.1. xu hướng	CLO4
[3 tiết TL]	4.3.2. Tính cách 4.3.3. Khí chất 4.3.4. Năng lực - Bài tập: Xác định kiểu khí chất và tính cách của bản thân và người khác? - Thảo luận: + Làm thế nào để tạo động lực hoạt động cho người khác? + Bằng kiến thức Tâm lý học, hãy giải thích nhận định của Bác Hồ: “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn Phần nhiều do giáo dục mà nên”.	CLO5 CLO6
10	Chương 4: Nhân cách và sự hình thành nhân cách	CLO2
[1 tiết LT]	4.4. Sự hình thành và phát triển nhân cách	CLO4
	4.4.1. Giáo dục với nhân cách	CLO5
	4.4.2. Hoạt động và nhân cách	CLO6
	4.4.3. Giao tiếp với nhân cách	

4.4.4. Tập thể với nhân cách	
4.5. Sự hoàn thiện nhân cách	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	- Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Tính chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO6, CLO7	10%
2	Quá trình	- Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	20%
		Kiểm tra giữa kỳ	Đánh giá điểm qua bài tiểu luận – thuyết trình	CLO2 CLO4 CLO6 CLO7	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần: - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Thanh Long
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: truongthanhlong@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0944 157 877

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Uyên Vy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothiuyenvy@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0966 92 91 91

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Trương Thanh long

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



11/17/54

11/17/54

11/17/54

11/17/54

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI

Mã học phần: 1100058

Tên tiếng Anh: Import the social work

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Nhập môn công tác xã hội
- Mã học phần: 1100058 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Môn học nhập môn công tác xã hội cung cấp nền tảng kiến thức ban đầu trước khi học các môn học tiếp theo như công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, công tác xã hội cộng đồng/tổ chức và phát triển cộng đồng. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, môn học như là một sự khai tâm về khoa học công tác xã hội, giúp sinh viên hiểu được công tác xã hội là một ngành khoa học, một nghề nghiệp trong hệ thống an sinh xã hội. Theo đó, môn học giới thiệu tổng quan về cơ sở lý luận khoa học công tác xã hội, đồng thời giúp sinh viên hiểu khái quát lịch sử công tác xã hội, các quan điểm, nguyên tắc, đạo đức và vai trò của công tác xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (Ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp những kiến thức khái quát về công tác xã hội (định nghĩa, đối tượng, mục đích, lịch sử hình thành CTXH ở Việt Nam và trên thế giới); Có những kiến

thức về vai trò nhân viên CTXH, tiến trình giải quyết vấn đề, các phương pháp công tác xã hội, các lĩnh vực công tác xã hội

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích được về lịch sử hình thành công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; về khái niệm, đối tượng, các chức năng của CTXH.	PLO2	M
	CLO2	Đánh giá được các nguyên tắc, triết lý, giá trị và vai trò của nhân viên CTXH; các mô hình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội; các phương pháp chủ đạo trong công tác xã hội; các lĩnh vực thực hành trong công tác xã hội	PLO2	H
Kỹ năng				
CO2	CLO3	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong công tác xã hội	PLO4	M

	CLO4	Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO3	CLO5	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	PLO8	L
	CLO6	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CĐR của học phần (CLO). (3): Mô tả CĐR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CĐR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Bùi Thị Xuân, Giáo trình nhập môn công tác xã hội, Nxb. Lao động – Xã hội, 2010
Tài liệu tham khảo thêm:	Đình Anh Tuấn, Nhập môn công tác xã hội, Trường đại học Quy Nhơn, 2015
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Giáo viên trình bày nội dung và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.	CLO1, CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	- Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay theo các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Trong tiến trình dạy và học, người học làm	CLO1, CLO2, CLO3

	việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.	
Thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp này người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác hay giáo viên. 	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
Tự học (Làm bài tập ở nhà)	Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu.	CLO2, CLO3, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1,2,3 (6 tiết)	<p>Chương 1: Sự hình thành và phát triển của công tác xã hội</p> <p>1. Lịch sử hình thành công tác xã hội trên thế giới</p> <p>1.1. Giai đoạn tiền khoa học (Trước thế kỷ XX)</p> <p>1.2. Giai đoạn khoa học (Bắt đầu từ thế kỷ XX)</p> <p>2. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội ở Việt Nam</p> <p>2.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng 8/1945</p> <p>2.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước thời kỳ đổi mới năm 1986</p> <p>2.3. Giai đoạn từ thời kỳ đổi mới (năm 1986) đến nay</p> <p>Thảo luận (1 tiết)</p>	CLO1, CLO3, CLO5

	Những khó khăn, thách thức nghề Công tác xã hội hiện nay?	
Buổi 4,5 (4 tiết)	Chương 2: Cơ sở khoa học của công tác xã hội 1. Khái niệm Công tác xã hội 2. Đối tượng và chủ thể của công tác xã hội 2.1. Đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội. 2.2. Đối tượng cần sự trợ giúp và tác động của Công tác xã hội. 2.3. Chủ thể của Công tác xã hội Thảo luận (1 tiết) Phân biệt hoạt động từ thiện, nhân đạo so với nghề công tác xã hội?	CLO1, CLO3, CLO5
	3. Các chức năng của công tác xã hội 3.1. Chức năng chữa trị (chức năng trị liệu) 3.2. Chức năng phòng ngừa 3.3. Chức năng phục hồi 3.4. Chức năng phát triển	CLO1, CLO3
Buổi 6 (2 tiết)	Chương 2: Cơ sở khoa học của công tác xã hội (Tiếp theo) 4. Các nguyên tắc hoạt động của công tác xã hội 4.1. Cá nhân là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội. 4.2. Giữa cá nhân và xã hội có mối quan hệ tác động lẫn nhau. 4.3. Cá nhân và xã hội phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhau. 4.4. Con người có những nhu cầu giống nhau nhưng mỗi cá nhân là một cái riêng độc đáo, không giống với những cá nhân khác trong xã hội. 4.5. Mỗi cá nhân cần được phát huy mọi khả năng vốn có và được tạo điều kiện, để thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua việc thực hiện các vai trò cụ thể. 4.6. Phát huy năng lực vốn có. 4.7. Xã hội có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cá nhân phát huy những khả năng của mình để phát triển:	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	<p>5. Quy điều đạo đức trong công tác xã hội</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Vận dụng các nguyên tắc hoạt động nghề CTXH để làm việc với thân chủ dưới đây:</p> <p>Phạm Hội là một nam thanh niên 22 tuổi, đã dính líu vào việc mua và bán ma túy trái phép. Anh này cũng dùng ma túy và cần tiền để mua được nhiều hơn. Anh ta đã bị bắt vài lần và đã từng bị đi tù nhưng lại tái phạm ngay khi anh ta được thả ra. Anh xuất thân từ một huyện nông thôn nghèo và bố mẹ anh đông con, thu nhập hầu như không có gì để nuôi gia đình. Hui thích quần áo đẹp và yêu thích xe Honda mới của mình. Anh không chắc là mình có muốn rời bỏ cuộc sống tội phạm của mình không và thích sự ủng hộ mà anh ta có từ nhóm tội phạm của mình. Họ tự gọi bản thân "những kẻ bất lương" ("bad boys").</p>	
<p>Buổi 7 (2 tiết)</p>	<p>Chương 3: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI</p> <p>1. Mối quan hệ giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Mối quan hệ giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng</p> <p>2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội</p> <p>2.1- Vai trò môi giới</p> <p>2.2- Vai trò người hỗ trợ</p> <p>2.3- Vai trò người giáo dục</p> <p>2.4- Vai trò người biện hộ</p> <p>2.5- Vai trò người trung gian</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Thảo luận thực tiễn việc thực hiện các vai trò của nhân viên CTXH ở Việt Nam hiện nay tại các cơ sở xã hội?</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5</p>
<p>Buổi 8 (2 tiết)</p>	<p>Chương 3: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (Tiếp theo)</p> <p>3. Nguyên tắc hoạt động của nhân viên công tác xã hội</p> <p>3.1. Nguyên tắc chấp nhận đối tượng</p> <p>3.2. Tôn trọng quyền tự quyết của đối tượng</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5</p>

	<p>3.3. Nguyên tắc cá biệt hoá</p> <p>3.4. Nguyên tắc bí mật</p> <p>3.5. Nguyên tắc ý thức về chính mình (tự ý thức)</p> <p>3.6. Nguyên tắc bình đẳng</p> <p>4. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội</p> <p>4.1. Kiến thức</p> <p>4.2. Ý thức thái độ trong công việc</p> <p>4.3. Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Wilbanks làm việc với sinh viên đang học chuyên ngành CTXH trong chương trình tham vấn học đường đang đào tạo để trở thành nhân viên CTXH của trường đại học EN và Julca Ward trong chương trình thực tập của cô ở một phòng khám của trường đã từ chối nhận thân chủ, người điền vào phiếu thu thập thông tin ban đầu rằng anh ta muốn được giúp đỡ với vấn đề liên quan đến tình dục đồng giới. Ward muốn chuyển trường hợp trên cho một thực tập sinh khác bởi vì niềm tin tôn giáo của cô cho rằng tình dục đồng giới là trái với luân thường đạo lý.</p> <p><i>Trường hợp trên NVCTXH đã vi phạm nguyên tắc nào?</i></p>	
Buổi 9 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO3, CLO5
Buổi 10 (2 tiết)	<p>Chương 4: Một số khái niệm và mô hình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội</p> <p>1. Một số khái niệm</p> <p>1.1. Hành vi thuận xã hội</p> <p>1.2. Cá nhân và xã hội</p> <p>1.3. Nhóm yếu thế</p> <p>1.4. Trợ giúp xã hội</p> <p>1.5. Bảo vệ xã hội</p> <p>1.6. Hỗ trợ xã hội</p> <p>1.7. Nhu cầu</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Phân tích nhu cầu của thân chủ dưới đây: Đỗ Thị Mai là một cô gái 18 tuổi xuất thân từ một gia</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	<p>đình thành phố nghèo có 4 con. Đây là lần thứ hai cô bị bắt làm nghề mại dâm. Cô sống trong một căn hộ nhỏ với 3 cô gái khác cũng dính líu vào nghề này. Chủ chứa/tú bà của họ lấy hầu hết số tiền mà họ kiếm được và sắp xếp cho họ tiếp khách hầu hết là những người đàn ông lao động đến từ nông thôn. Chủ chứa/ Tú bà cùng cấp cho các cô gái này ma túy/thuốc ngủ để họ phải ngủ vào ban ngày và làm việc suốt đêm. Mai muốn rời bỏ cách sống này và tìm một nghề đứng đắn. Có lẽ cô ấy cũng quan tâm tới việc đi học nghề làm tóc.</p>	
Buổi 11,12 (4 tiết)	<p>Chương 4: Một số khái niệm và mô hình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội (Tiếp theo)</p> <p>2. Mô hình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội</p> <p>2.1- Nhận diện vấn đề</p> <p>2.2- Chẩn đoán vấn đề</p> <p>2.3- Kế hoạch trị liệu</p> <p>2.4- Lượng giá</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
	<p>3. Các phương pháp công tác xã hội</p> <p>3.1- Công tác xã hội với cá nhân</p> <p>3.2- Công tác xã hội với nhóm</p> <p>3.3- Công tác phát triển cộng đồng</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Buổi 13,14 (4 tiết)	<p>Chương 5: Công tác xã hội với các nhóm đặc thù</p> <p>1. Công tác xã hội với người khuyết tật</p> <p>1.1. Khái niệm và các nhóm khuyết tật</p> <p>1.2. Bảo vệ người khuyết tật về mặt y tế, xã hội</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p> <p>Thảo luận việc thực hiện các chính sách xã hội dành cho người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay?. Những ý kiến đề xuất, cải tiến?</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
	<p>2. Công tác xã hội với trẻ em</p> <p>2.1. Một số vấn đề tồn tại trong cuộc sống của trẻ em</p> <p>2.2. Trẻ em thuộc nhóm đối tượng của công tác xã hội</p> <p>2.3. Nhu cầu cơ bản chung của trẻ em</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Sáng ngày 25/5, trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi của quận H thấy một cháu bé khoảng 3 tuần tuổi bị bỏ rơi</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	<p>trước cửa trung tâm. Khắp người cháu bé bị bầm tím và sưng tấy do bị kiến cắn. Mạnh mỗi duy nhất để lại là một mảnh giấy ghi tên và ngày sinh của cháu. Công an đã nhanh chóng điều tra và tìm ra bố mẹ của cháu. Được biết, vì khi sinh ra, cháu đã bị teo não, bố mẹ không muốn nuôi nên đành bỏ cháu vào trung tâm?</p> <p><i>Trường hợp trên đã vi phạm quyền nào đối với trẻ em?</i></p>	
<p>Buổi 15, 16 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5: Công tác xã hội với các nhóm đặc thù (Tiếp theo)</p> <p>3. Công tác xã hội với người cao tuổi</p> <p>3.1. Một số đặc điểm xã hội của người cao tuổi</p> <p>3.2. Nhu cầu cơ bản của người cao tuổi</p> <p>3.3. Những dịch vụ xã hội đối với người cao tuổi</p> <p>Ôn tập</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>Ông Trần Hương 70 tuổi là một cựu binh bị thương ở đầu trong chiến tranh Mỹ (American War). Ông đang sống với vợ (65 tuổi) tên là Trần Thị Thanh. Ông có 4 người con đã trưởng thành và 7 cháu. Nhiều năm nay, ông được biết đến là một người "nóng tính" và rất dễ tức giận, la lối, chửi vợ và những người khác. Đôi khi, ông đánh vợ vào mặt và ngực. Những năm gần đây, hành vi bạo lực của ông trở nên tồi tệ hơn và ông rất hay mất bình tĩnh với cháu mình. Mới đây, khi bọn trẻ gây ồn, ông bật dậy và giơ chân đá đứa cháu lớn tuổi nhất đang chơi trên sàn. May mắn sao, ông không có hành động đe dọa gì tiếp. Kể từ cuộc chiến tranh, ông có những cơn ác mộng và đôi khi tỉnh dậy la hét, khóc và những cảnh tượng như vậy đã trở nên thường xuyên hơn. Ông không trò chuyện được mềm mỏng và bình tĩnh.</p> <p><i>Phân tích nhu cầu của Ông Trần Hương?</i></p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5</p>
	<p>4. Công tác xã hội với vấn đề đói nghèo</p> <p>4.1. Giới thiệu chung</p> <p>4.2. Một số đặc điểm của nhóm người nghèo</p> <p>4.3. Nguyên tắc tiếp cận khi làm việc với người nghèo</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5</p>

	4.4. Các dịch vụ công tác xã hội với giảm nghèo	
Buổi 17 (3 tiết)	Chương 5: Công tác xã hội với các nhóm đặc thù (Tiếp theo) 5. Công tác xã hội làm việc với gia đình 5.1. Các vấn đề trong gia đình hiện nay 5.1.1 Mâu thuẫn trong quan hệ gia đình 5.1.2 Bạo hành gia đình 5.1.3 Ly hôn và những hệ quả của nó 5.1.4 Gia đình lệch chuẩn (phạm pháp) 5.2. Mục tiêu, các hoạt động công tác xã hội trong làm việc với gia đình	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần	Trong toàn bộ thời gian học môn học	CLO1 CLO2 CLO5	10%
2	Quá trình	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (bài viết thực hiện trên giấy A4); - Bài thảo luận theo nhóm (số nhóm theo tỷ lệ lớp sẽ được GV lựa chọn phù hợp)	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần		20%
	Thảo luận	- Các nhóm lựa chọn 01 chủ đề được GV cho trước. - Tiêu chí đánh giá: dựa trên 04 tiêu chí cụ thể là: Tổ chức nhóm; Tham gia làm việc nhóm; Thảo luận; Phối hợp nhóm - Mức điểm đạt cụ thể chia làm	Trong nội dung kiến thức của chương trình giảng dạy học phần	CLO1, CLO2, CLO3 CLO5	

		04 mức cụ thể theo tín chỉ là: A, B, C, D, F			
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	CLO1, CLO3, CLO5	
3	<i>Cuối kỳ</i>	Hình thức: Thi viết Tiêu chí đánh giá: dựa trên mẫu đáp án của Nhà trường, GV chấm dựa trên các đáp án được chuẩn bị sẵn	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.2. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: anhtuanctxh@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0914046673

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenvannga@qnu.edu Điện thoại liên hệ: 0914046673

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị. Có tinh thần, thái độ chuyên nghiệp
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.

	-Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Lớp học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. - Tuyệt đối không ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học. - Sinh viên vi phạm các nguyên tắc trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	Sinh viên nghiên cứu các tài liệu ở Thư viện Trường và tham khảo từ các nguồn có trên Internet.

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn



TS. Phan Thị kim Dung



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI

Mã học phần: 1100120

Tên tiếng Anh: Statistics in social science

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Thống kê trong khoa học xã hội
- Mã học phần: 1100120 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần Thống kê trong khoa học xã hội là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nhóm kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội. Học phần được thực hiện vào học kỳ 4, có nhiệm vụ cung cấp cho sinh viên công cụ toán thống kê ứng dụng được sử dụng để tổ chức, xử lý số liệu trong các nghiên cứu khoa học và các báo cáo trong công việc của nhân viên công tác xã hội.

Nội dung gồm: Công cụ toán thống kê B và nội dung thống kê xã hội.

Phần công cụ toán thống kê giới thiệu các cách mô tả số liệu như bảng phân bố tần số, các loại đồ thị, các số thống kê thường dùng như Mode, median, Mean, SD, hệ số tương quan nhị biến. Phần thống kê suy diễn giới thiệu kỹ thuật chọn mẫu, phương pháp suy diễn từ các số thống kê trên mẫu và một số bài toán kiểm định giả thuyết thống kê thường dùng trong nghiên cứu khảo sát mẫu hay thực nghiệm đơn giản.

Phần nội dung thống kê gồm hệ thống chỉ tiêu xã hội và nội dung chỉ tiêu thống kê trong các lĩnh vực hoạt động xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Nắm được công cụ toán thống kê thực hành để sử dụng trong các hoạt động xã hội và nghiên cứu các ngành khoa học xã hội, bao gồm:

- Các phương pháp tổ chức chọn mẫu
- Các phương pháp mô tả và đúc kết số liệu
- Các phương pháp phân tích, suy luận, kiểm định.

+ CO2: Hiểu bản chất các bài toán thống kê trong nghiên cứu xã hội: mô tả, chọn mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.

- Kỹ năng:

+ CO3: Rèn luyện kỹ năng:

- Vận dụng công cụ toán thống kê trong các nội dung thống kê của cán bộ ngành công tác xã hội.
- Vận dụng công cụ toán thống kê trong các nghiên cứu khoa học xã hội.

+ CO4: Làm quen với các phần mềm tin học hỗ trợ thống kê như: Excel, SPSS,...

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO5: Rèn luyện ý thức cẩn thận có trách nhiệm khi thu thập, xử lý số liệu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản của thống kê ứng dụng dành cho các nghiên cứu trong khoa học xã hội. Giải thích được ý nghĩa, biết công dụng của các tham số thống kê trong các bài toán thống kê cơ bản	PLO2	L
CO2	CLO2	Hiểu được bản chất các bài toán thống kê cơ bản	PLO2	L

Kỹ năng				
CO3		Hình thành kỹ năng:		
	CLO3	Vận dụng được công cụ toán thống kê trong các nghiên cứu khoa học xã hội	PLO4, PLO7	M
	CLO4	Vận dụng được công cụ toán thống kê để tính các chỉ tiêu trong nội dung thống kê xã hội.	PLO4, PLO7	M
CO4	CLO5	Biết sử dụng các phần mềm tin học hỗ trợ thống kê: Excel, SPSS,...	PLO5	M
Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm				
CO5	CLO6	Có ý thức trách nhiệm trong công việc, cẩn thận, chính xác khi thu thập, trình bày và xử lý số liệu. Có thể độc lập thực hiện được qui trình xử lý số liệu	PLO8, PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. Đào Hữu Hồ (2007), <i>Giáo trình thống kê xã hội học (Dành cho các trường Đại học khối Xã hội và Nhân văn, các trường Cao đẳng)</i> , NXB Giáo dục.
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Trường đại học lao động – xã hội (2007), <i>Thống kê xã hội</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà nội [2]. Hoàng Chúng (1982), <i>Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [4]. Đỗ Anh Tài (2008), <i>Giáo trình phân tích thống kê</i> , NXB Thống kê, Hà Nội [5].Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh(2001), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

	[6]. Đào Hữu Hồ (2000), <i>Thống kê xã hội học (Xác suất thống kê B)</i> , NXB ĐHQG Hà nội. [7]. Hoàng Trọng – Chu nguyên Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, tập1, tập 2</i> , NXB Hồng Đức
--	---

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về thống kê B	CLO1, CLO2, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp SV hiểu bản chất các bài toán thống kê B	CLO1, CLO2, CLO5
Bài tập	Giúp SV hình thành các kỹ năng nghiên cứu xử lý số liệu	CLO3, CLO4, CLO5
Nghiên cứu	Giúp sinh viên tự rèn luyện các kỹ năng và bồi dưỡng các phẩm chất trong nghiên cứu khoa học	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
Buổi 1 (3 tiết)	MỞ ĐẦU PHẦN 1: TOÁN THỐNG KÊ 1.1.Thống kê mô tả một biến 1.1.1. Nội dung mô tả một biến 1.1.2. Phương pháp mô tả một biến Bài tập	CLO1 CLO2 CLO6
Buổi 2 (3 tiết)	1.2.Thống kê mô tả hai biến 1.2.1. Nội dung mô tả hai biến 1.2.2. Phương pháp mô tả hai biến Bài tập	CLO1 CLO2 CLO6
Buổi 3 (3 tiết)	1.3. Phương pháp chọn mẫu 1.3.1. Một số vấn đề chung về chọn mẫu 1.3.2. Các bước chọn mẫu 1.3.3. Các phương pháp chọn mẫu cơ bản Bài tập	CLO1 CLO3 CLO6
Buổi 4 (3 tiết)	1.4. Bài toán ước lượng 1.4.1. Bài toán ước lượng tổng quát 1.4.2. Bài toán ước lượng trung bình cộng 1.4.3. Bài toán ước lượng tỉ lệ Bài tập	CLO1 CLO3 CLO6

Buổi 5 (2 tiết)	1.5. Bài toán kiểm định 1.5.1. Bài toán kiểm định khái quát 1.5.2. Một số bài toán kiểm định cơ bản Bài tập	CLO3 CLO6
(1 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3
Buổi 6 (3 tiết)	1.6. Ứng dụng các phần mềm thống kê 1.6.1. Giới thiệu các phần mềm thống kê	CLO5
Buổi 7 (3 tiết)	1.6.2. Thực hành các phần mềm thống kê	CLO5
Buổi 8 (3 tiết)	PHẦN 2: NỘI DUNG THỐNG KÊ XÃ HỘI 2.1. Hệ thống chỉ tiêu xã hội	CLO2 CLO4
Buổi 9 (3 tiết)	2.2. Các nội dung thống kê xã hội cơ bản Thống kê giáo dục và đào tạo Thống kê y-tế và sức khỏe Thống kê hôn nhân và gia đình.	CLO2 CLO4
Buổi 10 (3 tiết)	Bài tập tổng hợp	CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	- Hoàn thành các bài tập được giao	Trong suốt quá trình học học phần	CLO6	10%
		- Tham gia đầy đủ các buổi học [Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết. Tùy số tiết vắng GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng]	Trong suốt quá trình học học phần	CLO6	
2	<i>Quá trình</i>		Buổi thứ 5	CLO1 CLO2 CLO3,CLO4 CLO5	20%
	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên	Buổi thứ 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	20%

		nêu cụ thể)		CLO5	
3	Cuối kỳ	Hình thức thi: Viết Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Kỳ thi kết thúc học phần	CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Bạch Dương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: duongbachduong@qnu.edu.vn. Điện thoại: 0914087560

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Lê Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyenleha@qnu.edu.vn Điện thoại: 0973177789

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Đảm bảo đúng nội dung, đúng lịch dạy và đúng phương thức đánh giá.
Yêu cầu đối với sinh viên	Tích cực, chủ động trong học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Tập trung và sôi nổi trao đổi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của Trường.
Các quy định khác	Theo quy định chung của Trường.

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





TS. Dương Bạch Dương

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN TIẾNG VIỆT
Mã học phần: 2030004
Tên tiếng Anh: Vietnamese text editing techniques

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt
- Mã học phần: 2030004 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 20 tiết
 - + Thảo luận: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành dành cho sinh viên công tác xã hội. Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về các nguyên tắc soạn thảo văn bản, quy trình soạn thảo văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản; trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn, ...) - những kỹ năng rất cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

Thông qua việc soạn thảo các văn bản, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, mạch lạc, chặt chẽ, trong sáng, nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, cũng như trong học tập, nghiên cứu. Đồng thời, góp phần rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy cho sinh viên. Hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có văn hóa, có ý thức làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo văn bản.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs):

- Kiến thức

+ CO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.

+ CO2: Nắm được nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo, biên tập và ban hành các loại văn bản.

- Kỹ năng

+ CO3: Biết lắng nghe; Biết diễn thuyết trước một đám đông; Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản; Biết viết báo cáo tổng hợp.

+ CO4: Có khả năng xác định thẩm quyền ban hành văn bản của một số cơ quan cụ thể. Trình bày đúng thể thức của các loại văn bản; có khả năng phát hiện những sai sót của những văn bản cụ thể.

+ CO5: Có khả năng sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp. Có khả năng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

+ CO6: Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của việc nói và viết đúng tiếng Việt

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Kí hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Nhận biết được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.	PLO2	L
CO2	CLO2	- Xác định được nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo, biên tập và ban hành các loại văn bản	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản; Biết viết báo cáo tổng hợp; Thực hiện thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động soạn thảo các loại văn bản thông dụng.	PLO4	M
CO4	CLO4	- Nhận dạng thẩm quyền ban hành văn bản của một số cơ quan cụ thể. - Phát hiện những sai sót của những	PLO5, PLO8	M

		văn bản cụ thể. - Xác định được quy trình soạn thảo và ban hành văn bản của một số loại văn bản hành chính.		
CO5	CLO5	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp. Có khả năng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm.	PLO4	M
Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm				
CO6	CLO6	Nhận biết được vai trò và tầm quan trọng của việc nói và viết đúng tiếng Việt.	PLO9	L

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS. Nguyễn. Hoàng Anh, TS. Võ Trí Hào (đồng chủ biên), <i>Kỹ thuật soạn thảo văn bản</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Năm 2014.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bùi Minh Toán (Chủ biên), Lê A, Đỗ Việt Hùng; <i>Tiếng Việt thực hành</i> , NXB Giáo dục, 2000. 2. Hà Thúc Hoan; <i>Tiếng Việt thực hành</i> , NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997. 3. Lê Nga, <i>Mẫu soạn thảo văn bản trong lĩnh vực hành chính, dân sự</i> , NXB Lao động- Xã hội, 2007. 4. Lê Xuân Soạn (chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Hoàng Thị Tâm, <i>Kỹ thuật soạn thảo văn bản (dùng cho sinh viên các trường Đại Học – Cao Đẳng)</i> , NXB Tổng hợp TP. HCM., Năm 2005. 5. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp; <i>Tiếng Việt Thực hành</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2001. 6. Nguyễn Quang Ninh; <i>150 bài tập về dựng đoạn văn</i> , NXB Giáo dục. 7. Nguyễn Văn Thâm, <i>Soạn thảo và xử lý văn bản quản lý nhà nước</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. 8. Phan Thiều; <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i> , Tập 1,2, NXB Giáo dục, 1998. 8. Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh; <i>Tiếng Việt thực hành</i> , NXB Thuận Hoá, 2003.
Các loại học liệu	

khác:	
-------	--

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.	CLO1, CLO2
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp SV hiểu nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo, biên tập và ban hành các loại văn bản	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đặt và giải quyết vấn đề	Giúp SV hình thành các kỹ năng phát hiện, đặt ra và giải quyết các vấn đề của văn bản.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Hoạt động nhóm	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác giữa các thành viên trong nhóm	CLO5, CLO6
Động não	Giúp SV phân tích, đánh giá thông tin và hình thành các ý tưởng; giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo.	CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1 (2LT, 1 BT)	<p>- Giới thiệu môn học: + Đối tượng nghiên cứu + Mục đích ý nghĩa của môn học + Yêu cầu của môn học</p> <p>Chương 1. GIAO TIẾP VÀ TẠO LẬP VĂN BẢN</p> <p>1.1. Giao tiếp và văn bản 1.1.1. Khái niệm giao tiếp 1.1.2 Các nhân tố của giao tiếp</p> <p>1.2. Văn bản, đặc trưng của văn bản 1.2.1. Khái niệm về văn bản 1.2.2. Các đặc trưng cơ bản của văn bản 1.2.3. Kết cấu của văn bản 1.2.4. Các loại văn bản</p> <p>* Bài tập Phân loại văn bản sau. Cho biết căn cứ phân loại. (a). Báo động trẻ chậm nói do cha mẹ ít trò chuyện với con</p> <p>TP- Theo các chuyên gia, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng chậm nói là</p>	CLO1, CLO2

	<p>do trẻ thiếu sự quan tâm của cha mẹ.</p> <p>Đặc biệt, trong những gia đình cha mẹ bận làm việc suốt ngày và trẻ được đặt trước màn ảnh truyền hình nhiều giờ từ trước 12 tháng tuổi.</p> <p>Tại đơn vị Tâm lý của Bệnh viện nhi đồng 1 TP. HCM, trẻ chậm nói chiếm tới 45% tổng số bệnh nhi đến khám và điều trị.</p>	
2 (1LT, 2BT)	<p>1.3. Quá trình tạo lập văn bản</p> <p>1.3.1. Định hướng</p> <p>1.3.2. Lập chương trình biểu đạt</p> <p>1.3.3. Tạo văn bản</p> <p>1.3.4. Kiểm tra và sửa chữa văn bản</p> <p>1.4. Quá trình tiếp nhận và tóm tắt văn bản</p> <p>1.4.1. Tiếp nhận văn bản</p> <p>1.4.2. Tóm tắt văn bản</p> <p>* Bài tập</p> <p>Hãy chọn một số tài liệu khoa học (sách, bài báo...) viết về vấn đề mà bạn quan tâm, viết tóm tắt cho từng tài liệu đó.</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
3 (1LT, 2BT)	<p>1.5. Rèn kĩ năng dựng đoạn trong xây dựng văn bản</p> <p>1.5.1. Khái niệm đoạn văn</p> <p>1.5.2. Luyện viết đoạn văn</p> <p>1.5.3. Tách đoạn và liên kết đoạn</p> <p>1.5.4. Một số lỗi khi viết đoạn văn</p> <p>* Bài tập:</p> <p>1. Nêu các kiểu cấu trúc của đoạn văn, ví dụ minh hoạ</p> <p>2. Tìm chủ đề, phân tích cấu trúc của các đoạn văn sau:</p> <p>3. Các câu trong những đoạn văn sau (của các tác giả Vũ Tú Nam, Tô Hoài, Băng Sơn) đã bị đảo trật tự. Hãy sắp xếp lại thứ tự các câu cho hợp lý. Tìm câu chủ đề của đoạn văn (nếu có) và phân tích cấu trúc đoạn.</p> <p>a. Mới ra khỏi ổ trứng, các chú nằm đờ một lát, rồi ngo ngoạy, rồi ngo ngoáy; các chú càng ứng càng cựa uậy thì sợi tơ càng dài ra, từ từ thả các chú xuống phía dưới. Từng đợt, từng đợt, bảy tám con một lúc, những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm, ló cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cố rướn ra, cố trườn ra, thoát được cái đầu, cái</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	<p>mình... rồi nhẹ nhàng bỏ khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió. Tôi đến gốc chanh chăm chú theo dõi. Cứ như là mẹ các chú đang ở đó, nhẹ nhàng bồng từng chú mà đặt xuống một cái nệm êm vậy.</p> <p>b. Làng Tày, làng Dao ven suối và trong rừng, làng người Mông ở đỉnh núi, giữa cỏ tranh mênh mông. xung quanh nhà nào cũng sum suê những đào, những lê. Lần ấy, tôi đi ngược từ Thèn Sin tới Dào San. Vách và mái đều ghép bằng những miếng gỗ pơ-mu, nhà nhà ám khói xám đen tương như làng xóm liền với trời xanh. Vào đầu xuân, hoa đào nở hồng cả trời. Giữa mùa đông, hoa lê trắng ngần. Những mùa hoa, ai đi suốt cao nguyên, qua các rừng hoa lê trắng, hoa đào hồng, cũng phải say vẻ đẹp đến ngây ngất.</p> <p>4. Với mỗi câu chủ đề sau, hãy triển khai thành một đoạn văn và cho biết đoạn văn có kiểu cấu trúc gì?</p> <p>a. Đó là cuốn sách tôi mong ước có được.</p> <p>b. Dòng sông là người bạn thân thiết của người dân quê tôi.</p> <p>c. Biết cách thư giãn sẽ mang lại sức khỏe và hiệu suất làm việc cao.</p>	
4 (1LT)	<p>Chương 2. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN TIẾNG VIỆT</p> <p>2.1 Văn bản hành chính</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2. Phân loại</p> <p>2.1.2. Công dụng của các loại văn bản hành chính</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
5 (5BT)	<p>* Bài tập:</p> <p>Công dụng của các loại văn bản hành chính</p> <p>- Sinh viên tự tìm hiểu và sưu tầm trong thực tế:</p> <p>+ Công dụng và thẩm quyền ban hành một số văn bản như : Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh...</p> <p>+ Công dụng của một số loại văn bản hành chính như : quyết định, chỉ thị, nghị quyết (văn bản cá biệt); kế hoạch, báo cáo, công văn, hợp đồng</p>	CLO4, CLO5, CLO6
6 (1LT, 2BT)	<p>2.1.3. Quy định về thẩm quyền ban hành văn bản</p> <p>2.1.3.1. Thẩm quyền về hình thức (thể loại) văn bản</p> <p>2.1.3.2. Thẩm quyền về nội dung văn bản</p>	CLO1, CLO2

	<p>2.1.3.3. Quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản</p> <p>* Bài tập:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xác định thẩm quyền một số văn bản cụ thể 2. Sửa lỗi về các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. 	
7 (1LT, 2BT)	<p>2.1.4. Quy định về việc thể hiện nội dung của văn bản</p> <p>2.1.4.1. Nội dung văn bản phải được trình bày có tính khoa học</p> <p>2.1.4.2. Nội dung văn bản không trái pháp luật hiện hành</p> <p>2.1.4.3. Nội dung văn bản phải được thể hiện bằng văn phong hành chính</p> <p>* Bài tập:</p> <p>Sửa lỗi về các quy định về việc thể hiện nội dung của văn bản.</p>	CLO1, CLO2
8 (3BT)	<p>* Bài tập: Trình bày thể thức, xây dựng đề cương và soạn thảo những loại văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học về việc khen thưởng hoặc kỷ luật sinh viên + Công văn + Báo cáo <p>2.1.5. Quy định về quy trình soạn thảo và ban hành văn bản</p> <p>2.1.5.1. Khái niệm</p> <p>2.1.5.2. Nội dung và yêu cầu của quy trình</p> <p>* Bài tập: Xác định quy trình soạn thảo và ban hành một số loại văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Giáo dục + Quy chế rèn luyện của sinh viên 	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
9 (1LT, 2BT)	<p>Chương 2. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN TIẾNG VIỆT (tt)</p> <p>2.2. Văn bản khoa học</p> <p>2.2.1 Bài báo khoa học</p> <p>2.2.2 Khoá luận, luận văn, luận án</p> <p>2.2.3 Đề tài khoa học</p> <p>* Bài tập: Xác định quy trình soạn thảo và tạo lập một văn bản khoa học.</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

10 (2 LT, 1BT)	<p>2.2. Văn bản chính luận 3.2.1. Chức năng và phân loại 3.2.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ</p> <p>2.3. Văn bản báo chí 3.3.1 Chức năng và phân loại. 3.3.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ</p> <p>2.4. Văn bản văn chương nghệ thuật 3.4.1 Chức năng và phân loại. 3.4.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ</p> <p>* Bài tập Phân loại các văn bản sau. Cho biết căn cứ phân loại.</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
----------------------	--	---------------------------------

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra của học phần	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	<p>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</p> <p>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</p>	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
2	<i>Quá trình</i>	<p>- Thảo luận: Tham gia tích cực thảo luận theo nhóm và thảo luận tập thể</p> <p>- Giải quyết vấn đề Tích cực tham gia đóng góp ý kiến để giải quyết vấn đề đặt ra</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ:</p>	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO5	20%
				CLO1, CLO3, CLO6	

3	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần: Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	70%
---	----------------	--	------------------------------	------------------------	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Phương Trà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranpt.bd@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0983.044.800

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính
- Email: thaihuyen1974@yahoo.com.vn Điện thoại: 0982.969654

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên:	Đảm bảo đúng nội dung, đúng lịch dạy và đúng phương thức đánh giá
Yêu cầu đối với sinh viên:	Tích cực, chủ động trong học tập
Quy định về tham dự lớp học:	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học:	Tập trung và sôi nổi trao đổi
Quy định về học vụ:	Theo quy định chung của Trường
Các quy định khác:	Không

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



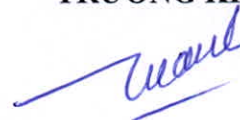
ThS. Ngô Thị Phương Trà

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Lê Hà

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



DEPT. OF ...

Faint handwritten text, possibly a signature or date.

+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học truyền thông đại chúng và xã hội học về dư luận xã hội để có thể vận dụng kiến thức phục vụ cho công việc chuyên môn.

- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội để tham gia đề xuất các chính sách, dự báo các vấn đề xã hội.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn..

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Trình bày được một số vấn đề cơ bản của xã hội học truyền thông đại chúng và xã hội học dư luận xã hội như khái niệm, chức năng, bản chất... - Giải thích được một số lý thuyết nghiên cứu xã hội học về truyền thông đại chúng.	PLO2	L
	CLO2	Phân tích được các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học truyền thông đại chúng.		M
	CLO3	Phân tích được quá trình hình thành dư luận xã hội; mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; quy trình điều tra dư luận xã hội, phương pháp thu thập thông tin cơ bản trong nghiên cứu dư luận xã hội		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	- Thực hiện tốt các tình huống giao tiếp; sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác	PLO4	M

		<p>trong giao tiếp; viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả; biết chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học.</p> <p>- Truyền đạt một vấn đề rõ ràng, dễ hiểu; có thể phản biện, tranh luận những quan điểm, ý kiến để làm rõ vấn đề.</p> <p>- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm; biết hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.</p>		
CO3	CLO5	<p>Phát hiện một vấn đề liên quan đến tội phạm cụ thể để từ đó phát thảo một đề cương nghiên cứu xã hội học tội phạm và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy; xác định mục tiêu, đối tượng, lựa chọn khách thể nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, trình bày các loại giả thuyết nghiên cứu; sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học...</p>	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm:				
CO4	CLO6	<p>Nhận biết được ý nghĩa của nghiên cứu xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội trong đời sống xã hội.</p>	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Quý Thanh, <i>Xã hội học về dư luận xã hội</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2011.
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>[1]. Trần Hữu Quang, <i>Xã hội học Truyền thông đại chúng</i>, NXB Đại học Quốc gia, TP. HCM, 2016.</p> <p>[2]. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên), Đỗ Thị Thu Hằng, <i>Truyền thông – lý thuyết và kỹ năng cơ bản</i>, NXB Thông tin và truyền thông, HN, 2018.</p> <p>[3]. Trương Thị Kiên, <i>Lao động nhà báo và quản trị tòa soạn báo chí</i>, NXB Lý luận chính trị, HN, 2016</p>

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và khả năng nghiên cứu xã hội học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích hoạt động truyền thông, bản tin truyền thông và thiết kế một cuộc khảo sát, thăm dò dư luận xã hội về một hiện tượng, sự kiện xã hội trên các phương tiện truyền thông đại chúng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1-3 (9 tiết)	<p>CHƯƠNG 1: TRUYỀN THÔNG, TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG, XÃ HỘI HỌC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG</p> <p>1.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.1. Truyền thông</p> <p>1.1.2. Quy trình truyền thông</p> <p>1.1.3. Công chúng</p> <p>1.1.4. Truyền thông đại chúng</p> <p>1.1.5. Phương tiện truyền thông đại chúng</p> <p>1.1.6. Định chế truyền thông đại chúng</p> <p>1.2. Vài nét về lịch sử truyền thông đại chúng</p> <p>1.2.1. Những phương tiện truyền thông cổ truyền</p> <p>1.2.2. Kỹ thuật ẩn loát</p>	CLO1, CLO4

	<p>1.2. 3. Những tờ báo đầu tiên</p> <p>1.2.4. Các kỹ thuật truyền thông và các phương tiện TTĐC</p> <p>1.3. Các lý thuyết nghiên cứu về truyền thông đại chúng</p> <p>1.3.1 Lý thuyết chức năng</p> <p>1.3.2. Lý thuyết phê phán</p> <p>1.3.3. Trào lưu “nghiên cứu văn hóa”</p> <p>Thảo luận nhóm (4 tiết)</p> <p>1. Thử diễn giải ý nghĩa của mô hình truyền thông của Jakobson đối với những người làm công tác truyền thông. Cho một vài ví dụ cụ thể</p> <p>2. Trong thực tế xã hội, truyền thông đại chúng có liên quan thế nào với truyền thông liên cá nhân? Hãy tìm ví dụ và giải thích mối liên hệ giữa hai quá trình truyền thông này.</p> <p>3. Hãy tìm chức năng xã hội của một tờ báo (Tuổi trẻ, Thanh niên)</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p> <p>1. Giải thích nội dung của một bản tin truyền thông trên các phương tiện truyền thông theo công thức của Lasswell</p> <p>2. Xác định chức năng và phản chức năng trên một bản tin đăng trên các phương tiện truyền thông đại chúng</p>	
<p>4-7 (12 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 2: CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CỦA XÃ HỘI HỌC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHỨNG</p> <p>2.1. Xã hội học truyền thông nghiên cứu về công chúng</p> <p>2.1.1. Khái niệm công chúng truyền thông</p> <p>2.1.2. Những đặc điểm công chúng truyền thông</p> <p>2.1.3. Ứng xử truyền thông của công chúng truyền thông</p> <p>2.2. Xã hội học truyền thông nghiên cứu về hoạt động truyền thông và các nhà truyền thông</p> <p>2.2.1. Đặc điểm của tổ chức truyền thông và nhà truyền thông</p> <p>2.2.2. Lao động của các nhà truyền thông</p> <p>2.2.3. Nghề làm báo</p> <p>2.3. Xã hội học truyền thông nghiên cứu về nội dung truyền thông</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO5, CLO6</p>

	<p>2.3.1. Khái niệm nội dung truyền thông</p> <p>2.3.2. Những đặc điểm của nội dung truyền thông</p> <p>2.3.3. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>Thảo luận (3 tiết)</p> <p>1. Trong thời đại mà truyền hình và các phương tiện thính thị ngày càng phát triển, phải chăng báo in đã hết thời?</p> <p>2. Có phải người ta sẽ không còn cần tới giấy hay sách vở nữa?</p> <p>3. Có thực sự là trong tương lai người ta không cần phải đọc?</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p> <p>Phân tích được ứng xử của công chúng đối với một thông tin được đăng tải trên các phương tiện truyền thông (thông tin tự chọn)</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (2 tiết)</p>	
<p>8-12 (14 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 3: XÃ HỘI HỌC DƯ LUẬN XÃ HỘI</p> <p>3.1. Khái niệm dư luận xã hội</p> <p>3.1.1. Định nghĩa dư luận xã hội</p> <p>3.1.2. Chủ thể của dư luận xã hội</p> <p>3.1.3. Khách thể của dư luận xã hội</p> <p>3.1.4. Các đặc tính của dư luận xã hội</p> <p>3.2. Phân biệt dư luận xã hội với tin đồn</p> <p>3.3. Các chức năng, vai trò và ý nghĩa của việc nghiên cứu dư luận xã hội</p> <p>3.3.1. Chức năng của dư luận xã hội</p> <p>3.3.2. Vai trò và ý nghĩa của việc nghiên cứu dư luận xã hội</p> <p>3.4. Quá trình hình thành và biến đổi của dư luận xã hội</p> <p>3.4.1. Các con đường hình thành dư luận xã hội</p> <p>3.4.2. Quá trình phát triển của dư luận xã hội là một quá trình biện chứng</p> <p>3.4.3. Vấn đề dư luận xã hội trưởng thành</p> <p>3.5. Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận</p> <p>3.5.1. Ảnh hưởng của truyền thông đến dư luận</p> <p>3.5.2. Ảnh hưởng của dư luận xã hội đến truyền thông</p> <p>3.5.3. Những vấn đề các nhà báo cần lưu ý khi phản ánh kết quả điều tra dư luận xã hội</p>	<p>CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>

	<p>3.6. Quy trình tổ chức điều tra dư luận xã hội</p> <p>3.6.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>3.6.2. Giai đoạn thu thập thông tin</p> <p>3.6.3. Giai đoạn xử lý, phân tích thông tin và báo cáo kết quả</p> <p>3.7. Phương pháp điều tra dư luận xã hội</p> <p>3.7.1. Tổng quan về phương pháp điều tra dư luận xã hội</p> <p>3.7.2. Xây dựng công cụ điều tra dư luận xã hội</p> <p>3.7.3. Các phương pháp thu thập thông tin</p> <p>3.7.4. Tiến hành điều tra thử</p> <p>Thảo luận nhóm (3 tiết)</p> <p>1. Những tác động của tin đồn đến đời sống kinh tế xã hội? cho một vài ví dụ minh họa</p> <p>2. Các phương tiện truyền thông đại chúng thu hút sự chú ý của dư luận xã hội như thế nào? Cho một vài ví dụ minh họa</p> <p>3. Vấn đề phản ánh dư luận xã hội trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở nước ta.</p> <p>Bài tập nhóm (2 tiết)</p> <p>- Ở Việt Nam, phương pháp thu thập thông tin nào là phù hợp hơn cả? Tại sao?</p> <p>- Phát thảo một bảng điều tra thăm dò dư luận xã hội về một hiện tượng, sự kiện xã hội cụ thể (tự chọn).</p>	
--	---	--

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, 	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	10%

		thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.			
		Tham gia học từ 80% số tiết trở lên			
2	Quá trình				20%
	Kiểm tra giữa kỳ	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Giữa kỳ (buổi 4-7)	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của trường	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0989678133

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

10/12/2012



Handwritten signature or scribble in blue ink.

Handwritten mark or signature in blue ink.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC TỘI PHẠM****Mã học phần: 2030008****Tên tiếng Anh: Sociology of Crime****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Xã hội học tội phạm
- Mã học phần: 2030008 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Bài tập: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần “Xã hội học tội phạm” là lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học nghiên cứu và lý giải các hiện tượng tội phạm nói riêng và lệch lạc nói chung trong đời sống xã hội. Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành dành cho sinh viên công tác xã hội, học phần nhằm cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về xã hội học tội phạm, giúp sinh viên nâng cao kiến thức về tội phạm và xã hội học tội phạm, hỗ trợ cho các hoạt động nghề nghiệp chuyên môn.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học tội phạm để có thể vận dụng phục vụ công việc chuyên môn.
- Kỹ năng:

+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.

+ CO3: Có khả năng nghiên cứu xã hội học tội phạm để tham gia đề xuất các chính sách, dự báo các vấn đề xã hội liên qua đến tội phạm.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được một số vấn đề chung về xã hội học tội phạm như khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng, lịch sử hình thành...	PLO2	L
	CLO2	Vận dụng được các bước trong quy trình tổ chức điều tra xã hội học và các phương pháp điều tra xã hội học trong các nghiên cứu xã hội học tội phạm.		M
	CLO3	Phân tích được các nội dung nghiên cứu cơ bản của xã hội học tội phạm như hiện tượng phạm tội và sai lệch chuẩn mực xã hội.		M
Kỹ năng				
CO2	CLO4	- Thực hiện tốt các tình huống giao tiếp; sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả; biết chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học. - Truyền đạt một vấn đề rõ ràng, dễ hiểu; có thể phản biện, tranh luận những quan	PLO4	M

		điểm, ý kiến để làm rõ vấn đề. - Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm; biết hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.		
CO3	CLO5	Phát hiện một vấn đề liên quan đến tội phạm cụ thể để từ đó phát thảo một đề cương nghiên cứu xã hội học tội phạm và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy; xác định mục tiêu, đối tượng, lựa chọn khách thể nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, trình bày các loại giả thuyết nghiên cứu; sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học...	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm:				
CO4	CLO6	Nhận thức được tầm quan trọng của các nghiên cứu xã hội học tội phạm trong đời sống xã hội; vai trò của xã hội học tội phạm trong hoạt động công tác xã hội và chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn đó và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Đức Châm, <i>Xã hội học tội phạm</i> , NXB Chính trị Quốc gia, HN, 2018
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình Tội phạm học</i> , NXB Sự thật, 2017.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	viên, tăng kỹ năng phát hiện và phân tích vấn đề đồng thời hình thành năng lực vận dụng kiến thức môn học vào hoạt động nghề nghiệp.	
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích các hành vi phạm tội và xây dựng các chương trình phòng chống tội phạm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thảo luận	Đặt ra các vấn đề trong nội dung bài học từ đó sinh viên thể hiện khả năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và năng lực tự đưa ra kết luận về vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
1-3 (9 tiết)	<p>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÃ HỘI HỌC TỘI PHẠM</p> <p>1.1. Khái niệm “xã hội học tội phạm”</p> <p>1.1.1. Khái niệm xã hội học tội phạm</p> <p>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu xã hội học tội phạm</p> <p>1.1.3. Phân biệt “xã hội học tội phạm” và “tội phạm học”</p> <p>1.1.4. Chức năng cơ bản của xã hội học tội phạm</p> <p>1.2. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển tư tưởng tội phạm và xã hội học tội phạm</p> <p>1.2.1. Sự hình thành tư tưởng tội phạm</p> <p>1.2.2. Sự hình thành xã hội học tội phạm</p> <p>Thảo luận theo nhóm (4 tiết)</p> <p>1. So sánh khái niệm tội phạm và xã hội học tội phạm. Lấy một số ví dụ minh họa</p> <p>2. Vai trò của xã hội học tội phạm trong đời sống xã hội. Lấy ví dụ minh họa</p>	CLO1, CLO4, CLO6
4-7 (12 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC TỘI PHẠM</p> <p>2.1. Quy trình tổ chức điều tra dư luận xã hội</p> <p>2.1.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>2.1.2. Giai đoạn thu thập thông tin</p>	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>2.1.3. Giai đoạn xử lý, phân tích thông tin và báo cáo kết quả</p> <p>2.2. Phương pháp điều tra xã hội học tội phạm</p> <p>2.2.1. Tổng quan về phương pháp điều tra xã hội học tội phạm</p> <p>2.2.2. Xây dựng công cụ điều tra xã hội học tội phạm</p> <p>2.2.3. Các phương pháp thu thập thông tin</p> <p>2.2.4. Tiến hành điều tra thử</p> <p>Bài tập nhóm (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở Việt Nam, phương pháp thu thập thông tin nào là phù hợp hơn cả? Tại sao? - Phát thảo một bảng hỏi cho một cuộc điều tra xã hội học tội phạm (tự chọn). <p>Kiểm tra giữa kỳ (2 tiết)</p>	
<p>8-12 (14 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI HỌC TỘI PHẠM</p> <p>3.1. Hiện tượng tội phạm</p> <p>3.1.1. Khái niệm hiện tượng tội phạm</p> <p>3.1.2. Các đặc trưng cơ bản của hiện tượng tội phạm</p> <p>3.1.3. Các mô hình nghiên cứu xã hội học về hiện tượng tội phạm</p> <p>3.2. Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.2.1. Chuẩn mực xã hội</p> <p>3.2.2. Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.3. Nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.3.1. Nguyên nhân của hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.3.2. Điều kiện của hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.4. Một số lý thuyết giải thích nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.4.1. Các lý thuyết giải thích theo quan điểm phi xã hội học</p>	<p>CLO3, CLO4, CLO6</p>

	<p>3.4.2. Các lý thuyết giải thích theo quan điểm xã hội học</p> <p>3.5. Phòng chống hiện tượng tội phạm và các hành vi Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.5.1. Vấn đề lý luận chung và mang tính chiến lược về phòng chống hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.5.2. Một số quan điểm về biện pháp đấu tranh phòng chống hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.5.3. Các nguyên tắc tổ chức hệ thống phòng chống hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.5.4. Các chủ thể của hoạt động phòng chống hiện tượng tội phạm và Sai lệch chuẩn mực xã hội</p> <p>3.6. Dự báo tội phạm và Tội phạm trong tương lai (gần)</p> <p>3.6.1. Dự báo tội phạm và vai trò của dự báo tội phạm</p> <p>3.6.2. Tội phạm trong tương lai (gần)</p> <p>Thảo luận (6 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực trạng các hành vi nghiện của vị thành niên hiện nay 2. Thực trạng hành vi vi phạm pháp luật của thanh thiếu niên hiện nay 3. Một số giải pháp phòng ngừa hành vi phạm tội của thanh thiếu niên hiện nay. Đề xuất dưới góc độ xã hội học pháp luật 	
--	---	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	- Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3,	10%

		<p>xây dựng bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. 		CLO4, CLO6	
		<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học từ 80% số tiết trở lên 			
2	Quá trình				20%
	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định 	Giữa học kỳ (Buổi 4-7)	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	
3	Cuối kỳ	<p>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề</p>	Theo lịch của nhà trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0989678133

9.1. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC TÔN GIÁO

Mã học phần: 1100232

Tên tiếng Anh: Sociology of Region

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Xã hội học Tôn giáo
- Mã học phần: 1100232 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Bài tập: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Xã hội học tôn giáo là học phần nằm trong khối kiến thức ngành của ngành công tác xã hội. Nghiên cứu môn học là nghiên cứu quan niệm về tôn giáo của phương Đông và phương Tây, chức năng của tôn giáo, biến đổi tôn giáo, thực hành tôn giáo, niềm tin tôn giáo, biến đổi tôn giáo dưới lời tiếp cận của xã hội học về tôn giáo. Thông qua học phần này, sinh viên vừa được nâng cao kiến thức, hình thành các kỹ năng và có thể ứng dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề chính sách tôn giáo cụ thể.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:
 - + CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học tôn giáo như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...
- Kỹ năng:

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các hoạt động tôn giáo, niềm tin tôn giáo, biến đổi tôn giáo.

+ CO3: Biết phát hiện và phân tích một vấn đề tôn giáo cụ thể

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO4: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá một vấn đề tôn giáo cụ thể

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Nắm được khái niệm tôn giáo, xã hội học tôn giáo	PLO2	L
	CLO2	Nắm được một số lý thuyết nghiên cứu xã hội học về tôn giáo.		L
	CLO3	Nắm được bản chất của tôn giáo, chủ thể và khách thể của tôn giáo.		L
Kỹ năng				
CO2	CLO4	Hiểu các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học tôn giáo và vận dụng để phân tích các hoạt động tôn giáo và niềm tin tôn giáo.	PLO6	L
CO3	CLO5	Hình thành kỹ năng phát hiện và phân tích một vấn đề tôn giáo cụ thể	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm:				
CO4	CLO6	Hình thành năng lực vận dụng kiến thức xã hội học tôn giáo vào hoạt động công tác xã hội	PLO10	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Xuân Nghĩa, Xã hội học tôn giáo và một số vấn đề tôn giáo ở Việt Nam, ĐHM, 1998-2010
Tài liệu tham khảo thêm:	Nguyễn Đình Khoa, Tài liệu học tập “Xã hội học tôn giáo”, ĐHQN, 2019

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức hợp lý, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng đánh giá vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm, năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân, năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Hệ thống lại nội dung đã học và thể hiện những nội dung dưới dạng các bài tập phân tích tình huống của hệ thống thân chủ để vận dụng được tiến trình công tác xã hội nhóm đối với thân chủ đó, sử dụng được các công cụ và kỹ thuật trong công tác xã hội nhóm, giúp hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với nhóm.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1) (2 tiết)	Chương 1: TÔN GIÁO VÀ CÁC LỐI TIẾP CẬN VỀ TÔN GIÁO 1.1. Tôn giáo trong quan điểm văn hóa phương Tây và phương Đông 1.2. Một số quan niệm không chính xác về tôn giáo	CLO1, CLO4, CLO5
(2)	Chương 1: TÔN GIÁO VÀ CÁC LỐI TIẾP CẬN VỀ	CLO1, CLO4,

(2 tiết)	TÔN GIÁO 1.3. Hai định nghĩa cổ điển về tôn giáo: định nghĩa bản chất và chức năng 1.4. Lối tiếp cận xã hội học về tôn giáo Thảo luận (1 tiết) SV trình bày hiểu biết của bản thân về chức năng của tôn giáo	CLO5
(3) (2 tiết)	Chương 2: NIỀM TIN TÔN GIÁO 2.1. QUAN HỆ VỀ NIỀM TIN TÔN GIÁO Thảo luận (1 tiết): SV trình bày hiểu biết của bản thân về niềm tin tôn giáo	CLO1, CLO4, CLO5
(4) (2 tiết)	Chương 2: NIỀM TIN TÔN GIÁO 2.2. NGUỒN GỐC CỦA NIỀM TIN TÔN GIÁO: 2.2.1/ Tiếp cận niềm tin tôn giáo từ góc độ sinh học 2.2.2/ Tiếp cận từ góc độ xã hội 2.2.3/ Quan niệm của M.Weber 2.2.4/ Quan điểm của những nhà XHH chủ nghĩa Mác về niềm tin tôn giáo Thảo luận (1 tiết) SV trình bày niềm tin tôn giáo từ góc độ bản thân	CLO1, CLO4, CLO5
(5) (2 tiết)	Chương 2(tt) NIỀM TIN TÔN GIÁO 2.3. ĐẶC ĐIỂM CỦA NIỀM TIN TÔN GIÁO: 2.3.1/ Niềm tin là lực lượng siêu tự nhiên 2.3.2/ Niềm tin vào 1 thế giới khác Thảo luận (1 tiết) SV trình bày niềm tin tôn giáo từ góc độ bản thân	CLO1, CLO4, CLO5
(6) (2 tiết)	Chương 3: THỰC HÀNH TÔN GIÁO 3.1. KHÁI NIỆM 3.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỰC HÀNH TÔN GIÁO 3.3. NGHIÊN CỨU XHH VỀ THỰC HÀNH TÔN GIÁO Bài tập (1 tiết) Phân tích về một tôn giáo cụ thể	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
(7) (2 tiết)	Chương 3: THỰC HÀNH TÔN GIÁO Bài tập (2 tiết) Thực hành điều tra XHH về một tôn giáo cụ thể	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

(8) (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO5,
(9) (2 tiết)	Chương 4: CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM 4.1.LÝ LUẬN Thảo luận (1 tiết) SV phân tích đặc điểm và giáo lý của một tôn giáo ở VN mà SV quan tâm.	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(10) (2 tiết)	Chương 4: CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM 4.2. CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM: <i>4.2.1/ Đặc điểm tình hình tôn giáo Việt Nam</i> Thảo luận (1 tiết) SV phân tích đặc điểm và giáo lý của một tôn giáo ở VN mà SV quan tâm.	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(11) (2 tiết)	Chương 4: CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM <i>4.2.2/ Những vấn đề cụ thể của chính sách tôn giáo Việt Nam</i> Thảo luận (1 tiết) SV phân tích chính sách tôn giáo cụ thể ở VN hiện nay	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(12) (2 tiết)	Chương 4: CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM <i>4.2.2/ Những vấn đề của chính sách tôn giáo Việt Nam(tt)</i> Thảo luận (1 tiết) SV phân tích chính sách tôn giáo cụ thể ở VN hiện nay	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(13) (2 tiết)	Chương 5: BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO 5.1. TỔNG QUAN VỀ BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO Thảo luận (1 tiết) SV trình bày về những biến đổi tôn giáo ở VN hiện nay	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
(14) (2 tiết)	Chương 5: BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO 5.2. NHỮNG HÌNH THỨC BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO 5.2.1/ Xu hướng toàn cầu hoá 5.2.2/ Xu hướng đa dạng hoá tôn giáo 5.2.3/ Xu hướng thế tục hoá 5.2.4. Điều tra XHH về biến đổi văn hóa	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
(15) (2 tiết)	Chương 5: BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO 5.2.5/ Phong trào dân chủ	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

	5.2.6/ Sự phát triển của khoa học công nghệ Bài tập: Điều tra XHH về biến đổi văn hóa	
--	--	--

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận. 	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
		Tham gia học từ 80% số tiết trở lên			
2	Quá trình				20%
	Kiểm tra giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định 	Giữa kỳ (buổi 4-7)	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6	
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của trường	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: nguyendinhkhoa@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0946925029

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Kim Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ
- Email: phanthikimdung@qnu.edu.com
- Điện thoại liên hệ: 0989678133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan, ôn lại các kiến thức ở các học phần tiên quyết trước, tham dự các bài giảng, làm các bài tập, chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Tham dự đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của trường
Quy định khác	Không

Bình Định, ngàythángnăm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Đình Khoa

TS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

8



Handwritten text in red ink, possibly a signature or a note, located to the right of the stamp.

Small handwritten marks or characters at the bottom left corner of the page.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM
Mã học phần: 1080135
Tên tiếng Anh: Socio-economic Geography of Vietnam

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam
- Mã học phần: 1080135 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học tự nhiên.

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về: Vai trò, vị trí của Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập; Vai trò của các ngành kinh tế chủ yếu trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam; Nguồn lực vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; Nguồn lực dân cư và nguồn lao động; Nguồn lực hệ thống tài sản quốc gia; Nguồn lực bên ngoài (Ngoại lực); Một số hình thức TCLTKT tiêu biểu ở Việt Nam; Địa lí các vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành công tác xã hội. Từ việc nhận thức đầy đủ được vai trò và sự phân bố các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa, sinh viên có thể hiểu một cách sâu sắc hơn về hoạt động công tác xã hội theo các đối tượng và lĩnh vực khác nhau.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm và vai trò của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa.

+ CO2: Sinh viên nắm được những kiến thức về tổ chức lãnh thổ theo ngành và theo không gian.

- Kỹ năng:

+ CO3: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam.

+ CO4: Có năng lực vận dụng kiến thức Địa lý kinh tế - xã hội vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO5: Giúp sinh viên biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Đảm bảo sức khỏe theo quy định hiện hành để học tập và làm việc.

+ CO6: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến lĩnh vực Địa lý kinh tế - xã hội nói chung và Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được vai trò, vị trí của Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập; Một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập.	PLO2	L
	CLO2	Phân tích được ảnh hưởng của nguồn lực bên trong (nội lực) và nguồn lực bên ngoài (ngoại lực) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	PLO2	M

CO2	CLO3	Phân tích được vai trò của từng ngành kinh tế chủ yếu trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam (nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, giao thông vận tải).	PLO2	M
	CLO4	Hiểu và phân biệt được các hình thức TCLTKT tiêu biểu ở Việt Nam.	PLO2	M
	CLO5	Hiểu và phân loại được các loại vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO6	Biết phát hiện và phân tích một vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội cụ thể.	PLO6	M
CO4	CL07	Biết vận dụng kiến thức Địa lý kinh tế - xã hội vào hoạt động công tác xã hội.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO8	Đảm bảo sức khỏe theo quy định hiện hành để học tập và làm việc.	PLO8	M
CO6	CL09	Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Văn Phú, Lê Thị Mỹ Dung, <i>Địa lí kinh tế-xã hội Việt Nam</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, năm 2010.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2] Lê Bá Thảo, <i>Việt Nam - Lãnh thổ và các vùng Địa lí</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội, năm 1998. [3] Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông, <i>Địa lí</i>

	<p><i>KT-XH đại cương</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, năm 2005.</p> <p>[4] Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, <i>Địa lí kinh tế-xã hội Việt Nam</i> (tập 1, tập 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội, năm 2000, 2006.</p> <p>[5] Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ, Phí Công Việt, Nguyễn Thị Sơn, Lê Mỹ Dung, <i>Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, năm 2012.</p>
Các loại học liệu khác:	[6] <i>Atlas Địa lí Việt Nam</i>

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Truy vấn các kiến thức đã tích lũy của sinh viên để từ đó có thể giảng dạy các kiến thức phù hợp, bổ sung những kiến thức cần thiết cho sinh viên, tăng kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam vào thực tiễn nghiên cứu về công tác xã hội.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
Nghiên cứu bài học	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận.	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] (2 tiết)	<p>Bài 1: Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập (1 tiết LT, 0 tiết BT, 1 tiết TL)</p> <p>1.1. Việt Nam tiến hành và đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới</p> <p>1.1.1. Nội dung của công cuộc đổi mới</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa của việc thực hiện công cuộc đổi mới</p> <p>1.1.3. Thành tựu của việc thực hiện công cuộc đổi mới</p> <p>1.1.4. Thách thức</p> <p>1.2. Việt Nam hội nhập quốc tế và khu vực</p> <p>1.2.1. Bối cảnh</p> <p>1.2.2. Thành tựu</p>	CLO1, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

	<p>1.2.3. Thách thức</p> <p>1.3. Một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập</p>	
[2] (2 tiết)	<p>Bài 2: Nguồn lực vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam (1 tiết LT, 1 tiết bài tập, 0 tiết TL)</p> <p>2.1. Khái quát chung</p> <p>2.2. Đặc điểm về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam</p> <p>2.2.1. Vị trí địa lí</p> <p>2.2.2. Phạm vi lãnh thổ</p>	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
[3] (2 tiết)	<p>Bài 2: Nguồn lực vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam (tiếp theo) (1 tiết LT, 0 tiết bài tập, 1 tiết TL)</p> <p>2.3. Ý nghĩa về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam</p>	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
[4] (3 tiết)	<p>Bài 3: Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên Việt Nam (2 tiết LT, 0 tiết bài tập, 1 tiết TL)</p> <p>3.1. Đánh giá chung về tài nguyên thiên nhiên Việt Nam</p> <p>3.2. Biện pháp khai thác và sử dụng hợp lí TNTN</p>	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
[5] (2 tiết)	<p>Bài 3: Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên Việt Nam (tiếp theo) (2 tiết LT, 0 tiết bài tập, 0 tiết TL)</p> <p>3.3. Đặc điểm và ý nghĩa của từng loại tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.3.1. Điều kiện địa hình</p> <p>3.3.2. Tài nguyên đất</p> <p>3.3.3. Tài nguyên khoáng sản</p> <p>3.3.4. Tài nguyên biển</p> <p>3.3.5. Tài nguyên khí hậu</p> <p>3.3.6. Tài nguyên nước</p> <p>3.3.7. Tài nguyên rừng</p>	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
[6] (3 tiết)	<p>Bài 4: Nguồn lực dân cư và nguồn lao động Việt Nam (1 tiết LT, 1 tiết bài tập, 1 tiết TL)</p> <p>4.1. Đặc điểm về dân số và sự phân bố dân cư ở Việt Nam</p> <p>4.1.1. Việt Nam là một quốc gia đông dân và có nhiều thành phần dân tộc</p> <p>4.1.2. Dân số Việt Nam vẫn còn tăng nhanh, đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” và cũng bắt đầu bước vào thời kỳ “già hoá</p>	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

		buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.			
2	Quá trình <i>Kiểm tra giữa kỳ</i> <i>Thảo luận</i>	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân; GV nêu tiêu chí cụ thể đánh giá bài kiểm tra. - Nội dung thảo luận theo các nhóm được quy định bởi GV phụ trách; Tiêu chí đánh giá kết quả thảo luận do GV nêu cụ thể	Buổi thứ 9	CLO1, CLO2, CLO6, CLO7	20 %
3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề.	Sau tuần thứ 15 và theo lịch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	70 %

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Hoàng Quý Châu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: hoangquychau@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 098.3311.034

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phạm Anh Vũ
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: phamanhvu@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0971941433

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc

	riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình.

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

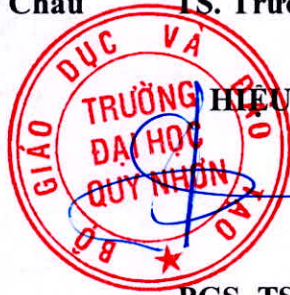
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Hoàng Quý Châu

TS. Trương Quang Hiến

TS. Nguyễn Lê Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ



Mr

Mr

Mr

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
Mã học phần: 1100004
Tên tiếng Anh: Vietnam Culture Estate

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Mã học phần: 1100004 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, mối quan hệ với các học phần khác)

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành dành cho sinh viên công tác xã hội. Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, từ đó nắm được các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ cội nguồn cho đến nay.

Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu, ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và phương Tây.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu COs):

Trang bị những hiểu biết tối thiểu về một nền văn hóa, một dân tộc, để khi bước vào đời, có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

- Kiến thức

Giúp sinh viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:

+ CO1: Nắm vững các khái niệm cơ bản của văn hóa và văn hóa học các khái niệm hữu quan.

+ CO2: Nắm vững các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình văn hóa và các thành tố văn hóa Việt Nam.

- Kỹ năng

Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản để tìm hiểu về một nền văn hóa.

+ CO3: Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

+ CO4: Biết nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc.

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

+ CO5: Phân tích và rút ra bản sắc, tính cách và những giá trị tiêu biểu của văn hóa truyền thống Việt Nam. Ứng phó với những ảnh hưởng của làn sóng toàn cầu hóa.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Kí hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân loại các khái niệm cơ bản của văn hóa và văn hóa học	PLO2	L
CO1	CLO2	Phân tích vai trò của văn hóa đối với con người, xã hội và kinh tế		M
CO2	CLO3	Có thể nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam.	PLO2	M
CO2	CLO4	Chỉ ra các thành tố của văn hóa Việt Nam	PLO2	M
Kỹ năng				

CO3	CLO5	Có khả năng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm. Có khả năng hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm. Thiết kế nội dung trình bày bằng powerpoint	PLO4, PLO5	M
CO4	CLO6	Phân tích, đánh giá thông tin và hình thành các ý tưởng; giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo.	PLO8, PLO9	M
Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm				
CO5	CLO7	Tổng hợp lại để thấy được vai trò của văn hóa ảnh hưởng đến nhận thức và hành động của nhân viên công tác xã hội.	PLO8, PLO9	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, 2012
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>1. Trần Quốc Vượng (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh; <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.</p> <p>2. Đào Duy Anh, <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB Tp.Hồ Chí Minh, 1992.</p> <p>3. Đào Duy Anh; <i>Nguồn gốc dân tộc Việt Nam</i>, NXB Thế giới, H., 1950.</p> <p>4. Phan Kế Bính, <i>Việt Nam phong tục</i>, tái bản, NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1990.</p> <p>5. Nguyễn Từ Chi, <i>Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người</i>, NXB Văn hóa- Thông tin, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1996.</p> <p>6. Nguyễn Văn Huyền; <i>Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 1 (1995), tập 2 (1996).</p> <p>7. Đinh Gia Khánh, <i>Văn hóa dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.</p>

	<p>8. Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận (chủ biên), <i>Các vùng văn hóa Việt Nam</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1995.</p> <p>9. Nhiều tác giả, <i>Văn hóa Việt Nam, một chặng đường</i>, NXB Văn hóa – Thông tin và Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1994.</p> <p>10. Phan Ngọc, <i>Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới</i>, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1994.</p>
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa học.	CLO1
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp SV hiểu bản chất các khái niệm, các đặc trưng, các thành tố, cơ sở hình thành... nền văn hóa Việt Nam.	CLO1, CLO7
Đặt và giải quyết vấn đề	Giúp SV hình thành các kỹ năng phát hiện, đặt ra và giải quyết các vấn đề của văn hóa.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Hoạt động nhóm	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác giữa các thành viên trong nhóm	CLO3
Động não	Giúp SV phân tích, đánh giá thông tin và hình thành các ý tưởng; giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo.	CLO3, CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (3t/buổi)	Nội dung	CĐR học phần
1 (3 tiết)	<p>- Giới thiệu môn học: + Đối tượng nghiên cứu + Mục đích ý nghĩa của môn học + Yêu cầu của môn học</p> <p>Chương 1. VĂN HOÁ VÀ VĂN HOÁ HỌC</p> <p>1.1. Khái niệm văn hóa 1.2. Đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá</p> <p>Thảo luận 1 tiết</p>	CLO1, CLO2, CLO5

2 (3 tiết)	<p>1.3. Phân biệt văn hoá và các khái niệm khác</p> <p>1.4. Vai trò của văn hoá</p> <p>1.5. Một số khái niệm cơ bản của văn hoá học</p> <p>Thảo luận 1 tiết</p>	CLO1, CLO2, CLO4, LO5, CLO6
3 (4 tiết)	<p>Chương 2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HOÁ VIỆT NAM</p> <p>2.1. Những ảnh hưởng bên trong</p> <p>2.2. Những ảnh hưởng bên ngoài</p> <p>2.3. Thời gian, không gian, loại hình và các vùng văn hóa Việt Nam</p> <p>Thảo luận 1 tiết</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
4 (5 tiết)	<p>Bài tập nhóm số 1 (2 tiết)</p> <p>Các vùng văn hóa Việt Nam</p> <p>a. Vùng văn hóa Tây Bắc</p> <p>b. Vùng văn hóa Việt Bắc (Đông Bắc)</p> <p>c. Vùng văn hoá đồng bằng Bắc bộ (Đông Đô- Thăng Long- Hà Nội)</p> <p>d. Vùng văn hóa duyên hải Trung và Nam bộ</p> <p>e. Vùng văn hóa Tây Nguyên</p> <p>f. Vùng văn hóa Nam Bộ</p> <p>Thảo luận 1 tiết</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
5 (5 tiết)	<p>Chương 3. DIỄN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM</p> <p>Bài tập nhóm số 2 (3 tiết)</p> <p>3.1. Thời kì hình thành nền văn hóa bản địa (thời tiền sử)</p> <p>3.2. Thời kì xác lập bản sắc văn hóa Việt Nam: Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đông Nai (Thời sơ sử, cách đây 4000 năm)</p> <p>3.3. Thời kì giao lưu với văn hóa Trung Hoa và khu vực</p> <p>3. 4. Văn hóa Việt Nam thời độc lập - tự chủ (938-1858)</p> <p>3.5. Văn hóa Việt Nam thời kì ảnh hưởng văn hóa Pháp (1858 - 1945)</p> <p>3.6. Giai đoạn văn hóa thời dân chủ nhân dân (1945 - nay)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
6	Chương 4. NHỮNG THÀNH TỐ CƠ BẢN CỦA	CLO1, CLO3,

(3 tiết)	VĂN HOÁ VIỆT NAM 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Phong tục Thảo luận 1 tiết	CLO4
7 (3 tiết)	Chương 4. NHỮNG THÀNH TỐ CƠ BẢN CỦA VĂN HOÁ VIỆT NAM (tt) 4.3. Văn hoá giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4.4. Nghệ thuật thanh sắc, hình khối Thảo luận 1 tiết	CLO1, CLO2, CLO4
8 (3 tiết)	Chương 5. VĂN HOÁ VIỆT NAM VỚI VĂN HOÁ KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI 5.1. Văn hóa ứng phó trên lĩnh vực quân sự, ngoại giao 5.2. Dung hợp văn hóa khu vực và trên thế giới Thảo luận 1 tiết	CLO1, CLO2, CLO4
9 (3 tiết)	Chương 5. VĂN HOÁ VIỆT NAM VỚI VĂN HOÁ KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI (tt) 5.2. Dung hợp văn hóa khu vực và trên thế giới 5.3. Tích hợp văn hóa Đông – Tây với lí tưởng cộng sản: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh Thảo luận 1 tiết	CLO4, CLO5, CLO6
10 (3 tiết)	Chương 6. VĂN HÓA VIỆT NAM TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI 6.1. Nhìn lại bản sắc, tính cách và những giá trị tiêu biểu của văn hóa truyền thống Việt Nam 6.2. Văn hóa truyền thống Việt Nam trước làn sóng toàn cầu hóa Thảo luận 2 tiết	CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6, CLO7	10%
		Thời gian tham dự buổi	CLO1, CLO2,	

		học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết. Tùy số tiết vắng GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng		CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
			
2	Quá trình				
	Bài tập ở nhà				
	Bài kiểm tra tại lớp				
	Thảo luận	Tham gia tích cực thảo luận theo nhóm và thảo luận tập thể	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, , CLO4	10%
	Thực hành				
				
	Kiểm tra giữa kỳ	Thực hiện bài tập dự án: Hoàn thành các bài tập được giao theo cá nhân hoặc theo nhóm Tiêu chuẩn đánh giá theo đáp án của giảng viên		CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	20%
3	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần: Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO2, CLO4, CLO6, CLO7	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Phương Trà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranpt.bd@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0983.044.800

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính
- Email: thaihuyen1974@yahoo.com.vn Điện thoại: 0982.969654

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên:	Đảm bảo đúng nội dung, đúng lịch dạy và đúng phương thức đánh giá
Yêu cầu đối với sinh viên:	Tích cực, chủ động trong học tập
Quy định về tham dự lớp học:	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học:	Tập trung và sôi nổi trao đổi
Quy định về học vụ:	Theo quy định chung của Trường
Các quy định khác:	Không

Bình Định, ngày tháng năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Ngô Thị Phương Trà

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Đinh Anh Tuấn



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ